VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 1503 + 1504)

Phụ lục XI

DANH MỤC DỰ KIẾN NGUỒN ĐIỆN VÀ LƯỚI ĐIỆN THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. NGUỒN ĐIỆN

I. Điện mặt trời mái nhà

TT	Tỉnh/Thành phố	Công suất tăng thêm 2023 - 2030 (MW)
	Thành phố Hà Nội	47

II. Điện rác

TT	Tỉnh/Thành phố	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)	Công suất tăng thêm 2022 - 2030 (MW)
	Thành phố Hà Nội	62	190	128

Ghi chú:

- Việc phát triển dự án nguồn điện trên địa bàn Thủ đô Hà Nội bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quy hoạch liên quan và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thủ đô, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Đối với các dự án phát triển nguồn điện rác mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sẽ được xác định cụ thể theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Bộ Công Thương.

B. LƯỚI ĐIỆN 500kV

I. Trạm biến áp 500Kv*

TT	Tên trạm biến áp	Công suất dự kiến 2030 (MVA)	Ghi chú
1	Tây Hà Nội	1.800	Cải tạo
2	Sơn Tây	900	Xây mới
3	Đan Phượng	1.800	Xây mới
4	Nam Hà Nội	900	Xây mới

II. Đường dây 500kV**

TT	Đường dây	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
1	Tây Hà Nội - Thường Tín	2 x 40	Xây mới, đấu nối TBA 500kV Tây Hà Nội
2	Mạch 2 Nho Quan - Thường Tín	1 x 75	Xây mới, cải tạo 1 mạch thành 2 mạch
3	Bắc Ninh - Rẽ Đông Anh - Phố Nối	2 x 3	
4	Long Biên - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	2 x 5	Xây mới, đấu nối trạm 500kV Long Biên
5	Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	2 x 44	Xây mới
6	Nam Hà Nội - Rẽ Nho Quan - Thường Tín	4 x 5	Xây mới, đấu nối trạm 500kV Nam Hà Nội
7	Đan Phượng - Rẽ Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	4 x 5	Xây mới, đấu nối trạm 500kV Đan Phượng
8	Sơn Tây - Đan Phượng	2 x 20	Xây mới, đấu nối trạm 500kV Sơn Tây
9	Trạm cắt 500kV Hòa Bình 2 - Tây Hà Nội	2 x 80	Xây mới, giải tỏa công suất TĐ Lào

III. Các công trình khác có liên quan

Thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

C. LƯỚI ĐIỆN 220kV

I. Trạm biến áp 220kV***

TT	Trạm biến áp 220 kV	Công suất dự kiến 2030 (MVA)	Ghi chú
1	Vân Trì	750	Cải tạo
2	Tây Hà Nội	750	Cải tạo
3	Long Biên	750	Cải tạo, đã hoàn thành
4	Thanh Xuân	750	Xây mới
5	Đại Mỗ (Mỹ Đình)	750	Xây mới
6	Hòa Lạc	500	Xây mới
7	Mê Linh	500	Xây mới
8	Văn Điển	750	Xây mới
9	Long Biên 2 (Gia Lâm)	750	Xây mới
10	Sóc Sơn 2	500	Xây mới
11	Phú Xuyên	500	Xây mới
12	Hòa Lạc 2	500	Xây mới
13	Đan Phượng	500	Xây mới; nối cấp trạm 500 kV Đan Phượng
14	Chương Mỹ	250	Xây mới
15	Cầu Giấy	500	Xây mới
16	Hai Bà Trưng	500	Xây mới
17	Ứng Hòa	500	Xây mới

II. Đường dây 220kV****

TT	Đường dây	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
I	**Xây dựng mới**		
1	Văn Điển - Rẽ Hà Đông - Thường Tín	4 x 4	Đấu nối TBA 220 kV Văn Điển, bao gồm chuyển đấu nối trạm Văn Điển hình thành Văn Điển - Hòa Bình; Văn Điển - Xuân Mai
2	Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4 x 16	Đấu nối TBA 220 kV Thanh Xuân
3	500kV Đông Anh - Vân Trì	2 x 13	
4	Đại Mỗ (Mỹ Đình) - Rẽ Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4 x 2	Đấu nối TBA 220 kV Đại Mỗ

TT	Đường dây	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
5	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì	2 x 2	Đấu nối TBA 220 kV Mê Linh
6	500 kV Tây Hà Nội - Hòa Lạc	2 x 14	Đấu nối TBA 220 kV Hòa Lạc
7	Ứng Hòa - Rẽ Hà Đông - Phủ Lý	2 x 4	Đấu nối TBA 220 kV Ứng Hòa
8	Long Biên - Mai Động	2 x 16	Xây mới, cáp ngầm
9	Long Biên 2 - Rẽ Mai Động - Long Biên	4 x 3	Đấu nối TBA 220 kV Long Biên 2
10	Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh	2 x 25	
11	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì (mạch 2)	2 x 2	Chuyển đấu nối đường dây 220kV Vĩnh Yên 500kV - Mê Linh và Mê Linh - Vân Trì thành Vĩnh Yên - Vân Trì để hạn chế dòng ngắn mạch
12	500 kV Đan Phượng - Mê Linh	2 x 15	
13	Đấu nối 500 kV Đan Phượng	4 x 11	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến Chèm - Vân Trì và Chèm - Tây Hồ
14	Sóc Sơn 2 - Rẽ Hiệp Hòa - Đông Anh	2 x 3	Đấu nối TBA 220 kV Sóc Sơn 2
15	500 kV Sơn Tây - Hòa Lạc 2	2 x 15	Đấu nối TBA 220 kV Hòa Lạc 2
16	500 kV Sơn Tây - Hòa Lạc	2 x 12	Đấu nối phía 220 kV TBA 500 kV Sơn Tây
17	500 kV Sơn Tây - Rẽ Sơn Tây - Vĩnh Yên	4 x 5	Đấu nối phía 220 kV TBA 500 kV Sơn Tây
18	Đan Phượng 500 kV - Cầu Giấy	2 x 20	Đường dây trên không và cáp ngầm (nội đô), đấu nối TBA 220kV Cầu Giấy
19	Hai Bà Trưng - Thành Công	2 x 5	Cáp ngầm, đấu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng
20	Hai Bà Trưng - Mai Động	2 x 3	Cáp ngầm, đấu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng
21	Chương Mỹ - Rẽ Hòa Bình - Hà Đông	2 x 2	Đấu nối TBA 220 kV Chương Mỹ

TT	Đường dây	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
22	Nam Hà Nội 500 kV - Phú Xuyên	2 x 15	Đấu nối TBA 220 kV Phú Xuyên
23	Đấu nối 500 kV Nam Hà Nội	2 x 15	Đấu nối TBA 500 kV Nam Hà Nội, rẽ Hà Đông Phủ Lý và Ứng Hòa - Phủ Lý
24	Long Biên 500 kV - Rẽ Long Biên 2 - Mai Động	4 x 10	Đấu nối phía 220 kV TBA 500 kV Long Biên
II	**Cải tạo**		
1	Nâng khả năng tải Hòa Bình - Chèm	1 x 74	Đã hoàn thành
2	Nâng khả năng tải Hà Đông - Chèm	1 x 16	
3	Mạch 2 Hà Đông - Ứng Hòa - Phủ Lý	2 x 40	Cải tạo một mạch thành hai mạch, mở rộng 02 ngăn lộ tại trạm 220 kV Ứng Hòa
4	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa - Sóc Sơn	2 x 10	Nâng khả năng tải hai mạch ĐD 220kV Hiệp Hòa - Sóc Sơn, gỡ bỏ hai mạch còn lại để hạn chế dòng ngắn mạch
5	Nâng khả năng tải Hà Đông - Thường Tín	2 x 16	
6	Cải tạo đường dây 220 kV Sơn Tây - Vĩnh Yên 01 mạch thành 2 mạch	2 x 30	Cải tạo một mạch thành hai mạch, đồng thời chuyển đấu nối thành đường dây 2 mạch Sơn Tây - Vĩnh Yên
7	Nâng khả năng tải Thường Tín - Phố Nối	2 x 33	Nâng khả năng tải 1 mạch Thường Tín - TBA 220 kV Phố Nối, 1 mạch Thường Tín - TBA 500 kV Phố Nối
8	Nâng khả năng tải Xuân Mai - Hà Đông	1 x 25	
9	Nâng khả năng tải Vân Trì - Tây Hồ - Chèm	2 x 20	

III. Các công trình khác có liên quan

Thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

D. LƯỚI ĐIỆN 110 kV

I. Trạm biến áp 110kV

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
I	**Vùng I**			
1	Nam Thăng Long (E1.27) (Ciputra)	2x63	4x63	
2	Linh Đàm (E1.26)	2x63+40	3x63	
3	Dương Nội (E1.61)	2x63	3x63	
4	Ngọc Hồi (E1.62)	2x63	3x63	
5	Bắc Thành Công (E1.63)	2x63	3x63	
6	Chèm (E1.6)	2x63	3x63	
7	Giám (E1.14)	2x63	3x63	
8	Văn Quán (E1.30)	2x63	3x63	
9	Mỹ Đình (E1.25)	2x63	3x63	
10	Tây Hồ Tây		4x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 4x63MVA
11	Đại Kim (Kim Giang)	2x63	3x63	
12	Phú Lương		3x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 3x63MVA
13	Nối cấp 220kV Văn Điển		2x63	
14	Nối cấp 220kV Thanh Xuân (Thanh Xuân 2)		3x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 3x63MVA
15	CV1 (Công viên Cầu Giấy)		2x63	
16	Nối cấp 220kV Đại Mỗ (Mỹ Đình)		3x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 3x63MVA

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
17	Giảng Võ (Triển lãm Giảng Võ)		2x63	
18	Tây Mỗ		3x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 3x63MVA
19	Đồng Mai		2x63	
20	Thanh Xuân 3 (Hoàng Mai)		2x63	
21	Thanh Trì		2x63	
22	Hà Đông 2		2x63	
23	Bắc Từ Liêm		2x63	
24	Tây Mỗ 2		2x63	
25	Nối cấp 220kV Hai Bà Trưng		2x63	
26	Ga Ngọc Hồi		2x44+2x16	Trạm khách hàng chuyên dùng
27	Dự phòng phát sinh trạm biến áp 110kV xây mới, cải tạo nâng công suất vùng I		4x63	Dự phòng cho phát triển phụ tải
28	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			Bao gồm nhưng không giới hạn các công trình, dự án: cải tạo TBA theo công nghệ GIS; mở rộng ngăn lộ TBA; cải tạo, hoàn thiện sơ đồ TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch; thay thế nâng cấp các thiết bị bảo đảm khả năng chịu dòng ngắn mạch; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống tự động hóa trạm…

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
II	**Vùng II**			
1	Sân bay Nội Bài (E1.42)	2x25	2x40	
2	Bắc Thăng Long (E.17)	4x50	5x50	
3	Hải Bối (E1.24)	2x40	2x63	
4	Ngọc Thụy		3x63	Giai đoạn 1: Công suất 1x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 3x63MVA
5	Khu công nghiệp Đông Anh 1		2x63	
6	Vân Nội		2x63	
7	Nguyên Khê		2x63	
8	Đông Dư (Tây Nam Gia Lâm)		2x63	
9	Gia Lâm 3 (Phù Đổng)		2x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x40MVA; giai đoạn 2: Công suất 2x63MVA
10	Sóc Sơn 4 (Khu công nghiệp sạch Sóc Sơn)		2x63	
11	Sóc Sơn 5		2x63	
12	Yên Viên		2x63	
13	Mê Linh 2		2x63	
14	Mê Linh 3		1x63	
15	Nối cấp 220kV Mê Linh		1x63	
16	Tây Nam Gia Lâm 2		2x63	
17	Quang Minh 2		2x63	
18	Nam Hồng		2x63	
19	Việt Hùng		2x63	
20	Đông Hội		2x63	

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
21	Đông Anh 3		2x63	
22	Gia Lâm 4		1x63	
23	Long Biên 3		1x63	
24	Dự phòng phát sinh trạm biến áp 110kV xây mới, cải tạo nâng công suất vùng II		4x63	Dự phòng cho phát triển phụ tải
25	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			Bao gồm nhưng không giới hạn các công trình, dự án: cải tạo TBA theo công nghệ GIS; mở rộng ngăn lộ TBA; cải tạo, hoàn thiện sơ đồ TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch; thay thế nâng cấp các thiết bị bảo đảm khả năng chịu dòng ngắn mạch; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống tự động hóa trạm…
III	**Vùng III**			
1	Phùng Xá (E1.28)	2x63	3x63	
2	Thạch Thất 2	1x40	2x40	
3	Nam An Khánh		2x63	
4	Ba Vì 2		2x40	
5	Phúc Thọ 2		2x63	Giai đoạn 1: Công suất 1x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 2x63MVA
6	Đại học Quốc gia		2x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x25MVA; giai đoạn 2: Công suất 2x63MVA
7	Đan Phượng		2x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x40MVA; giai đoạn 2: Công suất 2x63MVA

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
8	Hoài Đức		2x63	
9	Làng Văn Hóa		2x40	
10	Yên Bình		2x63	
11	Phùng		2x63	
12	Đắc Sở		1x63	
13	An Thịnh		1x63	
14	Nối cấp Hòa Lạc		2x63	
15	Phú Cát		2x40	
16	Hòa Lạc 1		2x40	
17	Hoài Đức 2		2x63	
18	Hòa Lạc 2		2x63	
19	Sơn Tây 3 (Sơn Tây 2)		1x63	
20	Nhà máy điện Rác Seraphin		31,5+16	Trạm nâng áp NMĐ; khách hàng chuyên dùng
21	Ba Vì 3		2x40	
22	Dự phòng phát sinh trạm biến áp 110kV xây mới, cải tạo nâng công suất vùng III		4x63	Dự phòng cho phát triển phụ tải
23	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			Bao gồm nhưng không giới hạn các công trình, dự án: cải tạo TBA theo công nghệ GIS; mở rộng ngăn lộ TBA; cải tạo, hoàn thiện sơ đồ TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch; thay thế nâng cấp các thiết bị bảo đảm khả năng chịu dòng ngắn mạch; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống tự động hóa trạm…

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
IV	**Vùng IV**			
1	Vân Đình (E10.2)	2x63+40	3x63	
2	Phú Nghĩa (E1.51)	2x40	2x63	
3	Hồng Dương (E1.71)	1x63	2x63	
4	Thường Tín (E1.32)	63+40	2x63	
5	Mỹ Đức (E1.66)	1x40	2x40	
6	Thanh Hà		2x63	
7	Ứng Hòa		2x40	
8	Xuân Mai 3 (Miếu Môn)		2x63	
9	Khu công nghiệp Nam Hà Nội		2x63	
10	Khu Cháy (Khu công nghiệp Khu Cháy)		2x63	Giai đoạn 1: Công suất 1x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 2x63MVA
11	Thanh Oai 2		2x63	
12	Xuân Mai 2		1x63	
13	Thanh Oai 3		1x63	
14	Phú Nghĩa 2		1x63	
15	Phú Xuyên 4		1x63	
16	Phú Xuyên 5		1x40	
17	Mỹ Đức 3		1x63	
18	Mỹ Đức 4		1x63	
19	Thường Tín 2		1x63	
20	Thường Tín 3		1x63	
21	Dự phòng phát sinh trạm biến áp 110kV xây mới, cải tạo nâng công suất vùng IV		3x63	Dự phòng cho phát triển phụ tải

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
22	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			Bao gồm nhưng không giới hạn các công trình, dự án: cải tạo TBA theo công nghệ GIS; mở rộng ngăn lộ TBA; cải tạo, hoàn thiện sơ đồ TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch; thay thế nâng cấp các thiết bị bảo đảm khả năng chịu dòng ngắn mạch; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống tự động hóa trạm…

Ghi chú:

- Cấp điện áp phía thứ cấp máy biến áp 110kV và số lượng xuất tuyến trung áp sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn lập dự án đầu tư.

- Vị trí trạm biến áp là dự kiến, vị trí cụ thể sẽ được xác định ở giai đoạn tiếp theo, có thể bố trí TBA tại khu vực lân cận so với các vị trí được đề xuất.

- Tiến độ, quy mô công suất, sơ đồ trạm và phương án đấu nối của các trạm biến áp sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào nhu cầu phát triển của phụ tải và kết cấu lưới điện trong thực tế.

II. Đường dây 110 kV

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
I	**Xây dựng mới**		
1	220kV Tây Hồ - Yên Phụ	2 x 6,2	
2	Nhánh rẽ Tây Hồ Tây mạch 1	2 x 1,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Nghĩa Đô - 220kV Chèm
3	Nhánh rẽ Tây Hồ Tây mạch 2	2 x 2,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Tây Hồ - CV Thủ Lệ

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
4	Nhánh rẽ CV 1 (Công viên Cầu Giấy)	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Thanh Xuân - Nghĩa Đô
5	Đấu nối 220kV Cầu Giấy	2 x 1,0	- Đấu nối chuyển tiếp trên đường dây CV Thủ Lệ - Tây Hồ; - Chuyển TC 110kV Nghĩa Đô về TC 110kV của 220kV Cầu Giấy.
6	Giảng Võ - Rẽ Công viên Thủ Lệ	2 x 1,5	Từ 110kV Giảng Võ đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV CV Thủ Lệ - 220kV Tây Hồ
7	Nhánh rẽ Giảng Võ	2 x 1,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Giám - 220kV Thành Công
8	Công viên Thống Nhất - Rẽ Phương Liệt - 220kV Mai Động	2 x 3,0	Từ 110kV CV Thống Nhất đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Phương Liệt - 220kV Mai Động
9	Đấu nối trạm 220kV Hai Bà Trưng	4 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV CV Thống Nhất - Mai Động và CV Thống Nhất - Thanh Nhàn
10	Đấu nối trạm 220kV Hai Bà Trưng	2 x 1,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Trần Hưng Đạo - Mai Động
11	Nhánh rẽ Đan Phượng	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV TT Phùng - Chèm
12	Đấu nối trạm biến áp 220kV Đan Phượng	4 x 4,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Trôi - 220kV Tây Hà Nội và TT Phùng - Sơn Tây
13	Hoài Đức - 220kV Đan Phượng	2 x 11,0	
14	An Thịnh - 220kV Đan Phượng	2 x 8,0	
15	An Thịnh - Đắc Sở	2 x 3,5	

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
16	Đắc Sở - 220kV Tây Hà Nội	2 x 8,5	
17	Nhánh rẽ Phùng	2 x 1,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Trôi - 220kV Tây Hà Nội
18	Nhánh rẽ Bắc Từ Liêm	2 x 1,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Tây Hồ - 220kV Chèm
19	Nhánh rẽ Hoài Đức	2 x 4,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Mỹ Đình - 220kV Chèm
20	Nhánh rẽ Hoài Đức 2	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Hà Đông - 220kV Tây HN
21	Đấu nối 220kV Đại Mỗ	2 x 3,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thanh Xuân - Nghĩa Đô
22	Đấu nối 220kV Đại Mỗ	4 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thanh Xuân - 220kV Hà Đông và Mỹ Đình - 220kV Chèm
23	Nhánh rẽ Tây Mỗ	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thanh Xuân - 220kV Hà Đông
24	Nhánh rẽ Tây Mỗ 2	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Chèm - 220kV Đại Mỗ
25	Bắc An Khánh - Nam An Khánh	2 x 1,9	
26	Nam An Khánh - 220kV Tây Hà Nội	2 x 9,0	
27	Nhánh rẽ 220kV Thanh Xuân	4 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ Thành Công - Hà Đông và Thành Công - Nghĩa Đô
28	Nhánh rẽ 220kV Thanh Xuân	2 x 3,7	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thượng Đình - 220kV Thành Công

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
29	220kV Thanh Xuân - Đại Kim	2 x 3,7	
30	Linh Đàm - Kim Giang	2 x 4,0	
31	Trạm 220kV Văn Điển tách nhánh Thượng Đình	2 x 7,5	
32	Trạm 220kV Văn Điển tách nhánh Linh Đàm	2 x 1,6	
33	Đấu nối trạm 220kV Văn Điển	4 x 1,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 110kV từ 220kV Hà Đông - 220kV Mai Động
34	Ga Ngọc Hồi - 220kV Văn Điển	2 x 2,5	
35	Ga Ngọc Hồi - Thanh Trì	2 x 3,5	
36	500/220kV Thường Tín - Thanh Trì	2 x 5,5	
37	Nhánh rẽ Hoàng Mai	2 x 3,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thượng Đình - 220kV Văn Điển
38	Nhánh rẽ Phú Lương	2 x 1,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Hà Đông - Văn Điển
39	Nhánh rẽ Ba Vì 2	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Sơn Tây - Phố Vàng
40	Nhánh rẽ Phúc Thọ 2	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV TT Phùng - Sơn Tây
41	Nhánh rẽ Sơn Tây 2	2 x 1,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Phúc Thọ 2 - 220kV Sơn Tây
42	Sóc Sơn 4 - Mê Linh	2 x 9,5	

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
43	Nhánh rẽ 220kV Mê Linh	4 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Quang Minh - 220kV Vĩnh Yên
44	220kV Sóc Sơn 2 - Nhánh rẽ Nội Bài	2 x 2,5	
45	Đấu nối TBA 220kV Sóc Sơn 2	4 x 2,0	Đấu nối TBA 220kV Sóc Sơn 2 chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 110kV Đông Anh - Sóc Sơn
46	Nhánh rẽ Sóc Sơn 5	2 x 5,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Quang Minh 2 - 220kV Mê Linh
47	Quang Minh 2 - 220kV Mê Linh	2 x 5,0	
48	Nhánh rẽ Mê Linh 3	2 x 5,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Mê Linh - 220kV Vĩnh Yên
49	Mê Linh 2 - 220kV Mê Linh	2 x 2,7	
		2 x 0,9	Tuyến đấu nối tạm trên đường 110kV Quang Minh - 220kV Vân Trì
50	Ba Vì 3 - Ba Vì	2 x 8,0	
51	Nhánh rẽ nhà máy điện Rác Seraphin	2 x 1,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Ba Vì 2 - 220kV Sơn Tây
52	Đấu nối 220kV Đông Anh	4 x 3,8	Xây dựng mới hoặc cải tạo từ đường dây hiện hữu tuyến đường dây 110kV từ 220kV Đông Anh đến 110kV Đông Anh; chuyển đấu nối và đấu tách các tuyến 110kV từ 220kV Vân Trì - Bắc Thăng Long - Đông Anh và 220kV Long Biên - Đông Anh
53	Nhánh rẽ Nguyên Khê	2 x 3,8	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Đông Anh - 220kV Vân Trì

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
54	Nhánh rẽ Vân Nội	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Đông Anh - 220kV Vân Trì
55	Khu công nghiệp Đông Anh 1 - 500/220kV Đông Anh	2 x 2,3	
56	Nhánh rẽ Việt Hùng	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Đông Anh - 220kV Đông Anh
57	Nhánh rẽ Đông Anh 3	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Đông Anh - KCN Bắc Thăng Long
58	Nhánh rẽ Khu công nghiệp Bắc Thăng Long mạch 2	2 x 1,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Vân Trì - Hải Bối
59	Nhánh rẽ Nam Hồng	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV KCN Bắc Thăng Long - 220kV Vân Trì
60	Nhánh rẽ Đông Hội	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Gia Lâm - Đông Anh
61	Nhánh rẽ Yên Viên	2 x 2,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Gia Lâm - Đông Anh
62	Làng Văn Hóa - Yên Bình	2 x 5,5	
63	Nhánh rẽ Làng Văn Hóa	2 x 11,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Sơn Tây - 220kV Hòa Lạc
64	Đấu nối trạm biến áp 220kV Hòa Lạc 2	4 x 1,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV chuyển tiếp Làng Văn Hóa - Yên Bình
65	Yên Bình - 220kV Hòa Lạc	2 x 10,0	
66	Nhánh rẽ Hòa Lạc 1	2 x 2,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Yên Bình - 220kV Hòa Lạc

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
67	Nhánh rẽ Đại học Quốc gia	2 x 2,6	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Hòa Lạc - 220kV Xuân Mai
68	Hòa Lạc 2 - 220kV Hòa Lạc	2 x 3,0	
69	Đấu nối 220kV Hòa Lạc mạch 1	4 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Sơn Tây - 220kV Xuân Mai
70	Đấu nối 220kV Hòa Lạc mạch 2	4 x 1,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Sơn Tây - Phùng Xá và 220kV Hà Đông - Thạch Thất 2
71	Nhánh rẽ Ngọc Thụy	2 x 5,7	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Sài Đồng - Long Biên
72	220kV Long Biên 2 - Sài Đồng	2 x 7,5	
73	220kV Long Biên 2 - Rẽ Minh Khai - 220kV Mai Động	2 x 6,5	
74	Nhánh rẽ Long Biên 3	2 x 2,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Long Biên 2 - Sài Đồng
75	220kV Long Biên 2 - Tây Nam Gia Lâm 2	2 x 2,5	
76	220kV Long Biên 2 - Trâu Qùy	2 x 2,5	
77	220kV Long Biên - Đông Dư	2 x 13,0	
78	Nhánh rẽ Phù Đổng	2 x 3,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Long Biên - Đông Dư
79	Nhánh rẽ Gia Lâm 4	2 x 2,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Gia Lâm 2 - Phố Nối

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
80	Nhánh rẽ Thanh Hà	2 x 4,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Hà Đông - Văn Điển
81	Nhánh rẽ Hà Đông 2 Park City	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Hà Đông - 220kV Sơn Tây
82	Nhánh rẽ Đồng Mai	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thanh Oai - 220kV Hà Đông
83	Đấu nối 220kV Chương Mỹ	4 x 1,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV chuyển tiếp trên đường dây Chương Mỹ - Thanh Oai
84	Phú Nghĩa - Chương Mỹ 220kV	2 x 6,0	
85	Nhánh rẽ Thanh Oai 2	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thanh Oai - 220kV Hà Đông
86	Nhánh rẽ Thanh Oai 3	2 x 2,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thanh Oai - 220kV Thường Tín
87	Nhánh rẽ Phú Nghĩa 2	2 x 1,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Phú Nghĩa - 220kV Xuân Mai
88	Nhánh rẽ Xuân Mai	2 x 3,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV chuyển tiếp trên đường dây 220kV Xuân Mai - Xuân Mai 2 và tách đấu nối TBA 110kV Xuân Mai khỏi tuyến 110kV hiện hữu
89	Nhánh rẽ Xuân Mai 3	2 x 5,0	Đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Lương Sơn - Thanh Nông tại vị trí cột số 53
90	220kV Chương Mỹ - Xuân Mai 3	2 x 10,0	

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
91	Nhánh rẽ Phú Cát	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Hòa Lạc - 220kV Xuân Mai
92	Nhánh rẽ Phú Xuyên 4	2 x 1,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Vân Đình - Tía
93	Đấu nối 220kV Phú Xuyên	4 x 1,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Phú Xuyên - Tía
94	220kV Phú Xuyên - Phú Xuyên 5	2 x 5,0	
95	Phú Xuyên 5 - Khu Cháy	2 x 20,0	
96	Nhánh rẽ Khu công nghiệp Nam Hà Nội	2 x 5,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Phú Xuyên - Tía
97	Khu công nghiệp Khu Cháy - Ứng Hòa 220kV	2 x 4,6	
98	Đấu nối 220kV Ứng Hòa	4 x 2,2	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Vân Đình - Tía
99	Đấu nối 220kV Ứng Hòa	2 x 4,0	Đấu nối tách tuyến 110kV Vân Đình - Phủ Lý
100	Nhánh rẽ Mỹ Đức 4	2 x 5,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Vân Đình - Phủ Lý
101	Nhánh rẽ Mỹ Đức 3	2 x 8,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Vân Đình - Hồng Dương
102	Nhánh rẽ Thường Tín 2	2 x 2,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thường Tín - Thanh Oai
103	Nhánh rẽ Thường Tín 3	2 x 5,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thường Tín - Tía
104	Dự phòng phát sinh đường dây 110kV xây mới	2 x 50	Dự phòng cho phát triển phụ tải

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
II	**Cải tạo**	**219,7**	
1	Vân Đình - Tía	2 x 14,5	Cải tạo đường dây mạch đơn thành mạch kép; nâng khả năng tải đường dây
2	Hà Đông - Thanh Oai - Vân Đình	2 x 26	Cải tạo đường dây mạch đơn thành mạch kép; nâng khả năng tải đường dây
3	Vân Đình - Kim Bảng	2 x 20,5	Cải tạo đường dây mạch đơn thành mạch kép; nâng khả năng tải đường dây
4	Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây	2 x 28,0	Cải tạo nâng khả năng tải
5	Nhánh rẽ Thường Tín	2 x 7,0	Từ cột 67 tuyến Hà Đông - Mai Động đến TBA 110kV Thường Tín
6	Thường Tín - Quất Động - Tía	1 x 10	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
7	Thành Công - Giám	2 x 1,3	Cải tạo hạ ngầm
8	220kV Sóc Sơn - 500/220kV Đông Anh - 110kV Đông Anh	1 x 29	Cải tạo nâng khả năng tải
9	Đông Anh - Hải Bối	2 x 8,0	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
10	Đông Anh - Mai Lâm - Gia Lâm	2 x 14	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
11	Hà Đông - Mai Động	2 x 18,0	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
12	Mai Động - Phương Liệt	2 x 5,2	Cải tạo hạ ngầm
13	Chèm - Hà Đông	2 x 15,0	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
14	Hà Đông - Xa La - Thượng Đình	2 x 10,0	Cải tạo hạ ngầm
15	Chèm - Nghĩa Đô - Thanh Xuân	2 x 15,0	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
16	Tây Hồ - Yên Phụ	2 x 5,2	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
17	Mai Động - Trần Hưng Đạo	2 x 5	Cải tạo hạ ngầm
18	Quang Minh - Phúc Yên	2 x 5	Cải tạo đường dây mạch đơn thành mạch kép, nâng khả năng tải, đường dây do EVNNPC quản lý

Ghi chú:

- Tiến độ, quy mô, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch và lập dự án đầu tư, phụ thuộc vào nhu cầu phát triển của phụ tải và kết cấu lưới điện trong thực tế.

- (*), (**), (***), (****) Các công trình trạm biến áp, đường dây cấp điện 500kv và đường dây 220kv thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

Phụ lục XII

CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, CẤP, THOÁT NƯỚC THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	**Các giải pháp khung trục chính**	
1	Cải tạo, nâng cấp, xây mới các công trình thủy lợi khắc phục tình trạng hạ thấp mực nước trên sông: Đà, Hồng, Đuống, Đáy, Tích, Bùi ...	Các quận, huyện, thị xã
2	Cải tạo toàn diện cụm công trình đầu mối và dòng chính sông Đáy để tăng cường cấp nước vào mùa kiệt, chuyển nước vào mùa lũ	Các quận, huyện, thị xã
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến sông nội địa phục vụ tiêu thoát nước như: Nhuệ, Duy Tiên, Vân Đình, Cầu Bây, Giàng, Thiên Đức, Thiếp, Ngũ Huyện Khê, Phù Trì, Lương, A2-7, A2-8, Đào Xá, Hòa Bình, Yên Cốc, Đăm, Cầu Ngà, Hang... và các sông trục chính khác trên địa bàn thành phố	Các quận, huyện, thị xã
4	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có và xây dựng mới bảo đảm yêu cầu tưới, tiêu theo các phân vùng thủy lợi	Các quận, huyện, thị xã
5	Cải tạo, nâng cấp các trục kênh tưới, tiêu	Các quận, huyện, thị xã
6	Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Các quận, huyện, thị xã
II	**Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới, cấp nước**	
1	Tân Hưng, Nội Bài	Sóc Sơn
2	Ấp Bắc	Đông Anh
3	Sơn Đà	Ba Vì

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
4	Phù Sa	Sơn Tây
5	Cẩm Yên 2 (tiếp nguồn), Săn (tiếp nước)	Thạch Thất
6	Đông Yên	Quốc Oai
7	Đông Sơn, Thượng Phúc, Chi Lăng 1, Chi Lăng 2, Yên Cốc, Hoàng Diệu	Chương Mỹ
8	Đan Hoài	Đan Phượng
9	Hồng Vân	Thường Tín
10	I2-14 (Mạnh Tân 1)	Ứng Hòa
11	Áng Thượng, Đức Môn	Mỹ Đức
12	Các trạm bơm tưới, cấp nước khác	Các quận, huyện, thị xã
III	**Xây mới trạm bơm tưới, cấp nước**	
1	Thuần Mỹ 1, Thuần Mỹ 2, Lương Phú	Ba Vì
2	Cẩm Đình	Phúc Thọ
3	An Phú 2	Mỹ Đức
4	Các trạm bơm tưới, cấp nước khác	Các quận, huyện, thị xã
IV	**Cải tạo, nâng cấp hồ, đập**	
1	Đồng Quan, Cầu Bãi, La Dỏ, Anh Bé, Đạc Đức, Chiêu Đang, Hàm Lợn, Ban Tiện, Hoa Sơn, Đồng Đò, Kèo Cà, Đền Sóc, Đồng Quan	Sóc Sơn
2	Hóc Cua, Mèo Gù, Suối Hai, Cẩm Quỳ, Cánh Sẻ, Vống, Vai Xô, Đầm Đống, Dâng Bồng Ếch	Ba Vì
3	Xuân Khanh, Đồng Mô, đê bao Sơn Tây	Sơn Tây
4	Linh Khiêu, Tân Xã, Cố Đụng, Lụa, Đồng Sổ	Thạch Thất
5	Lập Thành	Quốc Oai

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
6	Văn Sơn, Đồng Sương, Miễu, Hoàng Diệu, Đà Giáng, Xi, Dâu, Đồng Mốt, Nam...	Chương Mỹ
7	Quan Sơn - Vĩnh An - Tuy Lai, Phú Hiền, Hang Ma	Mỹ Đức
8	Các hồ, đập khác	Các quận, huyện, thị xã
V	**Xây mới hồ, đập**	
1	Xây dựng các hồ điều hòa trữ nước kết hợp cảnh quan	Các quận, huyện, thị xã
VI	**Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu, thoát nước**	
1	Phương Trạch	Đông Anh
2	Dương Hà	Gia Lâm
3	Tam Báo, Thường Lệ 1, Thường Lệ 2, Văn Khê	Mê Linh
4	Cổ Đô, Vạn Thắng 1, Vạn Thắng 2	Ba Vì
5	Cầu Cổng, Đầm Quâng, T1	Sơn Tây
6	Cộng Hòa 2	Quốc Oai
7	Thụy Đức	Thạch Thất
8	An Vọng, An Sơn 1, Yên Duyệt 1, Hạ Dục 1	Chương Mỹ
9	Đào Nguyên (Song Phương)	Hoài Đức
10	Khe Tang 2 mới	Thanh Oai
11	Hậu Bành	Thường Tín
12	Nội Cói, Hoàng Đông, Gia Phú, Bối Khê, Vân Từ, Thái Đa, Phúc Tiến, Thần Quy	Phú Xuyên
13	Mạnh Tân 2, Ngọ Xá, Vân Đình, Thần Lớn	Ứng Hòa
14	An Phú, Phù Lưu Tế 1	Mỹ Đức
15	Đông Mỹ	Thanh Trì
16	Cẩm Hà 1, Cẩm Hà 2	Sóc Sơn

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
17	Các trạm bơm tiêu, thoát nước khác	Các quận, huyện, thị xã
VII	**Xây mới trạm bơm tiêu, thoát nước**	
1	Xuân Kỳ, Kim Lũ	Sóc Sơn
2	Phương Trạch 2, Vĩnh Thanh, Long Tửu	Đông Anh
3	Cự Khối	Long Biên
4	Bạch Trữ	Mê Linh
5	Tiền Phong, Đồng Tiến, Tây Đằng	Ba Vì
6	Thụy Đức 2	Thạch Thất
7	Hữu Văn, Sông Đào, Trại Cốc, Khúc Bằng, Gò Óc	Chương Mỹ
8	Nam Thăng Long, Liên Mạc	Bắc Từ Liêm
9	Đầm Thọ, Yên Thái	Hoài Đức
10	Yên Nghĩa (giai đoạn 2)	Hà Đông
11	Cao Viên, Yên Cốc	Thanh Oai
12	Khai Thái 2, Phú Minh	Phú Xuyên
13	Phú Lương	Ứng Hòa
14	Hòa Lạc 2, An Phú 2	Mỹ Đức
15	Các trạm bơm tiêu, thoát nước khác	Các quận, huyện, thị xã
VIII	**Cải tạo, nâng cấp, xây mới hệ thống kênh tiêu**	Các quận, huyện, thị xã

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

II. NHÀ MÁY NƯỚC

STT	Nhà máy nước	Địa điểm dự kiến
I	**Các nhà máy nước ngầm**	**Các quận, huyện, thị xã**
II	**Các nhà máy nước mặt**	
1	Bắc Thăng Long	Đông Anh
2	Ba Vì	Ba Vì
3	Sông Đà	Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
4	Sông Đuống	Gia Lâm
5	Sông Hồng	Đan Phượng
6	Xuân Mai	Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
7	Nguồn nước cấp từ Hà Nam (phần dự kiến cấp cho Hà Nội)	Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
8	Nhà máy nước khu vực phía Nam Hà Nội	Phú Xuyên
9	Nhà máy nước mặt nội bộ khu vực khác	Các quận, huyện, thị xã

Ghi chú:

- Quy mô, công suất các nhà máy cấp nước được xác định theo nhu cầu thực tế tại các dự án cụ thể để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung thành phố và theo đúng quy định pháp luật.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu xử lý (KXL) chất thải rắn (CTR)	Địa điểm	Diện tích dự kiến	Tính chất, quy mô đề xuất
1	KXL CTR Nam Sơn	Huyện Sóc Sơn	257 - 280 ha	Xử lý tổng hợp tất cả các loại hình CTR.
2	KXL CTR Phù Đổng	Huyện Gia Lâm	20 ha	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể phốt, bùn thải thoát nước, CTR xây dựng, CTR công nghiệp, y tế không nguy hại.
3	KXL CTR Việt Hùng	Huyện Đông Anh	Khoảng 9 ha	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể phốt, bùn thải thoát nước, CTR xây dựng, CTR công nghiệp, CTR y tế không nguy hại.
4	KXL CTR Cầu Diễn	Quận Nam Từ Liêm	Khoảng 4 ha	Xử lý CTR y tế nguy hại, CTR phân bùn bể phốt, CTR cồng kềnh, chế biến phân hữu cơ
5	KXL CTR Châu Can	Huyện Phú Xuyên	20 ha	Xử lý tổng hợp tất cả các loại hình CTR.
6	KXL CTR Cao Dương	Huyện Thanh Oai	15 ha	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể phốt, bùn thải thoát nước, CTR xây dựng, CTR công nghiệp, y tế không nguy hại.

TT	Tên khu xử lý (KXL) chất thải rắn (CTR)	Địa điểm	Diện tích dự kiến	Tính chất, quy mô đề xuất
7	KXL CTR Tả Thanh Oai	Huyện Thanh Trì	13 ha	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể phốt, bùn thải thoát nước, CTR xây dựng, CTR công nghiệp, y tế không nguy hại.
8	KXL CTR Xuân Sơn	Thị xã Sơn Tây và Ba Vì	Khoảng 74 ha	Xử lý tổng hợp tất cả các loại hình CTR.
9	KXL CTR Núi Thoong	Huyện Chương Mỹ	10 - 25 ha	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể phốt, bùn thải thoát nước, CTR xây dựng, CTR công nghiệp, y tế không nguy hại.
10	KXL CTR Phương Đình	Huyện Đan Phượng	Khoảng 5 ha	Xử lý CTR sinh hoạt

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, công suất các khu, nhà máy xử lý chất thải được xác định theo nhu cầu thực tế tại các dự án cụ thể để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung thành phố và theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với khu xử lý chất thải rắn Đồng Ké, trước mắt là khu vực dự trữ phát triển. Sau năm 2030, căn cứ vào nhu cầu thực tế về xử lý chất thải rắn của thành phố tại phân vùng 2, khả năng đáp ứng của khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn, khả năng mở rộng của khu xử lý Núi Thoong có thể nghiên cứu chuyển đổi sang chức năng khác phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện Chương Mỹ và thành phố.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục XIV

PHƯƠNG ÁN CÁC KHU NGHĨA TRANG THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu nghĩa trang	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	**Khu nghĩa trang cấp quốc gia**		
1	Nghĩa trang Mai Dịch	Quận Cầu Giấy	Khoảng 6 ha
2	Nghĩa trang Yên Trung	Huyện Thạch Thất	120 ha
II	**Khu nghĩa trang cấp vùng**		
1	Nghĩa trang Yên Kỳ	Huyện Ba Vì	Khoảng 622 ha
II	**Khu nghĩa trang cấp thành phố**		
1	Nghĩa trang Văn Điển	Huyện Thanh Trì	Khoảng 19 ha
2	Nghĩa trang Vĩnh Hằng	Huyện Ba Vì	87 ha
3	Nghĩa trang Thanh Tước	Huyện Mê Linh	23 ha
4	Nghĩa trang Thạch Thất	Huyện Thạch Thất	44 ha
5	Nghĩa trang Chuyên Mỹ	Huyện Phú Xuyên	30 ha
6	Nghĩa trang Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn	20 - 30 ha

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CƠ SỞ Y TẾ THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	**Các cơ sở y tế hiện có (cải tạo, nâng cấp, mở rộng)**		
1	Bệnh viện Xanh Pôn	Quận Ba Đình	
2	Bệnh viện Thanh Nhàn	Quận Hai Bà Trưng	
3	Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	Quận Ba Đình	
4	Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	Quận Hai Bà Trưng	
5	Bệnh viện Tim Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm	
6	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	Quận Đống Đa	
7	Bệnh viện Hoè Nhai	Quận Ba Đình	
8	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
9	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba	Quận Hoàn Kiếm	
10	Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương	Quận Hai Bà Trưng	
11	Bệnh viện Phổi Hà Nội	Quận Hai Bà Trưng	
12	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Quận Đống Đa	
13	Bệnh viện Thận Hà Nội	Quận Đống Đa	
14	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Quận Thanh Xuân	
15	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Quận Hà Đông	
16	Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	
17	Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng	Huyện Đan Phượng	
18	Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh	Huyện Mê Linh	

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
19	Bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức	
20	Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ	Huyện Phúc Thọ	
21	Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	Quận Long Biên	
22	Bệnh viện đa khoa Thanh Trì	Huyện Thanh Trì	
23	Bệnh viện đa khoa Vân Đình	Huyện Ứng Hoà	
24	Bệnh viện đa khoa Đông Anh	Huyện Đông Anh	
25	Bệnh viện đa khoa Đức Giang	Quận Long Biên	
26	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên	
27	Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn	
28	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	Thị xã Sơn Tây	
29	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	Huyện Thạch Thất	
30	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín	Huyện Thường Tín	
31	Bệnh viện y học cổ truyền Hà Đông	Quận Hà Đông	
32	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì	
33	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	Huyện Gia Lâm	
34	Bệnh viện đa khoa huyện Quốc Oai	Huyện Quốc Oai	
35	Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức	Huyện Hoài Đức	
36	Bệnh viện 09	Huyện Thanh Trì	
37	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Huyện Đông Anh	
38	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Oai	Huyện Thanh Oai	
39	Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức	
40	Bệnh viện Nhi Hà Nội	Quận Hà Đông	
41	Bệnh viện Nam Thăng Long	Quận Bắc Từ Liêm	
42	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố và các Trung tâm y tế dự phòng quận/huyện	Các quận, huyện, thị xã	
43	Trung tâm kiểm nghiệm vùng		Tích hợp Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế cấp quốc gia

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
II	**Cơ sở y tế xây dựng mới**		
1	Tổ hợp công trình y tế Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên	
2	Tổ hợp công trình y tế Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn	
3	Tổ hợp công trình y tế Hòa Lạc	Khu vực Thạch Thất, Quốc Oai	
4	Tổ hợp công trình y tế Sơn Tây	Thị xã Sơn Tây	
5	Tổ hợp công trình y tế Gia Lâm	Huyện Gia Lâm	
6	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hà Nội	Huyện Mê Linh	
7	Bệnh viện khám chữa bệnh chất lượng cao	Các huyện: Mê Linh, Thanh Oai	
8	Bệnh viện chuyên ngành Nội tiết Hà Nội	Khu vực ngoại thành	
9	Bệnh viện Mắt thành phố Hà Nội	Quận Hà Đông	
10	Bệnh viện y học cổ truyền Hà Đông	Quận Hà Đông	
11	Bệnh viện Thận Hà Nội cơ sở 2	Quận Hà Đông	
12	Bệnh viện Ung bướu cơ sở 2	Quận Bắc Từ Liêm	
13	Bệnh viện Xanh Pôn cơ sở 2	Huyện Thạch Thất	
14	Bệnh viện Phụ sản Hà Nội cơ sở 2	Huyện Gia Lâm	
15	Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi	Huyện Ba Vì	
16	Bệnh viện đa khoa Đan Phượng (khu mới)	Huyện Đan Phượng	
17	Bệnh viện đa khoa Phúc Thọ (khu mới)	Huyện Phúc Thọ	Được phép mở rộng phụ thuộc vào quỹ đất của địa phương
18	Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ (khu vực phía Nam)	Huyện Chương Mỹ	
19	Bệnh viện đa khoa Mỹ Đức (khu mới)	Huyện Mỹ Đức	
20	Bệnh viện chuyên ngành Lão khoa Hà Nội	Huyện Sóc Sơn	
21	Bệnh viện Nam Thăng Long (khu mới)	Quận Bắc Từ Liêm	
22	04 Bệnh viện đa khoa	Nghiên cứu, ưu tiên bố trí quỹ đất tại các quận: Hoàng Mai, Thanh Xuân, Tây Hồ, Nam Từ Liêm	

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
23	Bệnh viện cấp cứu khu vực phía Bắc	Huyện Sóc Sơn	Ưu tiên quỹ đất tại vị trí dự kiến xây dựng Tổ hợp công trình y tế Sóc Sơn
24	Bệnh viện 115	Nghiên cứu, ưu tiên bố trí quỹ đất tại đô thị trung tâm	
25	Trung tâm cấp cứu 115 và hệ thống trạm vệ tinh	Các quận, huyện, thị xã	
26	Trung tâm phân phối thuốc và trang thiết bị y tế	Huyện Sóc Sơn	Nghiên cứu, ưu tiên quỹ đất tại vị trí dự kiến xây dựng Tổ hợp công trình y tế Sóc Sơn
27	Trung tâm Đào tạo và chuyển giao công nghệ lĩnh vực y tế	Các quận, huyện, thị xã	
28	Các cơ sở y tế ngoài công lập		Số cơ sở và địa điểm trên toàn thành phố dựa trên nhu cầu chăm sóc sức khỏe và khả năng thu hút đầu tư

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NHIỀU CẤP HỌC XÂY MỚI

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Số lượng dự kiến	Ghi chú
I	**Trường trung học phổ thông**	Các quận, huyện, thị xã	**109**	
1	Trung học phổ thông	Quận Cầu Giấy	3	
2	Trung học phổ thông	Quận Hà Đông	6	
3	Trung học phổ thông	Quận Hoàng Mai	8	
4	Trung học phổ thông	Quận Long Biên	4	
5	Trung học phổ thông	Quận Tây Hồ	2	
6	Trung học phổ thông	Quận Bắc Từ Liêm	5	
7	Trung học phổ thông	Quận Nam Từ Liêm	3	
8	Trung học phổ thông	Quận Hai Bà Trưng	1	
9	Trung học phổ thông	Thị xã Sơn Tây	7	
10	Trung học phổ thông	Huyện Chương Mỹ	8	
11	Trung học phổ thông	Huyện Đan Phượng	1	
12	Trung học phổ thông	Huyện Phúc Thọ	2	
13	Trung học phổ thông	Huyện Hoài Đức	1	
14	Trung học phổ thông	Huyện Quốc Oai	3	
15	Trung học phổ thông	Huyện Thạch Thất	4	
16	Trung học phổ thông	Huyện Gia Lâm	5	
17	Trung học phổ thông	Huyện Đông Anh	7	

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Số lượng dự kiến	Ghi chú
18	Trung học phổ thông	Huyện Thanh Oai	4	
19	Trung học phổ thông	Huyện Thanh Trì	6	
20	Trung học phổ thông	Huyện Mê Linh	10	
21	Trung học phổ thông	Huyện Sóc Sơn	8	
22	Trung học phổ thông	Huyện Mỹ Đức	3	
23	Trung học phổ thông	Huyện Thường Tín	8	
II	**Trường phổ thông có nhiều cấp học**	Các quận, huyện, thị xã	**31**	
1	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Phúc Thọ	1	
2	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Quận Hà Đông	1	
3	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Đông Anh	4	
4	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Gia Lâm	1	
5	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Sóc Sơn	4	
6	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Thạch Thất	6	
7	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Thanh Trì	1	
8	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Đan Phượng	1	
9	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Chương Mỹ	1	
10	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Hoài Đức	1	

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Số lượng dự kiến	Ghi chú
11	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Thị xã Sơn Tây	1	
12	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Mê Linh	4	
13	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Quận Tây Hồ	1	
14	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Phú Xuyên	1	
15	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Thường Tín	3	
III	**Trung tâm giáo dục hòa nhập chuyên biệt**	Huyện Sóc Sơn	1	
IV	**Một số trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường phổ thông chuyên biệt ngoài công lập**	Các quận, huyện, thị xã		Số cơ sở và địa điểm trên toàn thành phố dựa trên nhu cầu và khả năng thu hút đầu tư

II. CÁC KHU ĐẠI HỌC VÀ NGHIÊN CỨU

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô (ha)
1	Khu đô thị Đại học tại Hòa Lạc: Đại học quốc gia Hà Nội; cơ sở 2 của một số Trường Đại học thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ, kinh tế, Kinh doanh và quản lý…	Thạch Thất	2.000 - 2.500 ha
2	Khu giáo dục đào tạo tại Sơn Tây: Đào tạo lĩnh vực an ninh quốc phòng, văn hóa, nghệ thuật, du lịch và sư phạm…	Sơn Tây, Ba Vì	200 - 300 ha
3	Khu giáo dục đào tạo tại Xuân Mai: Đào tạo, nghiên cứu về Lâm nghiệp, Khoa học đất và hỗ trợ khởi nghiệp…	Chương Mỹ	250 - 300 ha

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô (ha)
4	Khu nghiên cứu, giáo dục đào tạo tại Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ: đào tạo lĩnh vực tư pháp, hành chính, thể dục thể thao…	Chương Mỹ	40 - 50 ha
5	Khu giáo dục đào tạo tại Sóc Sơn: Đào tạo, nghiên cứu phát triển ngành hàng không…	Sóc Sơn	200 - 250 ha
6	Cơ sở nghiên cứu thực nghiệm nghiên cứu Khoa học công nghệ cao Sinh học và nông nghiệp	Phú Xuyên	150 - 200 ha
7	Cụm cơ sở nghiên cứu tại Gia Lâm: Đào tạo, nghiên cứu ngành nông nghiệp và phụ trợ…	Gia Lâm	200 - 250 ha
8	Cụm nghiên cứu, giáo dục đào tạo tại huyện Đan Phượng	Đan Phượng	50 - 70 ha
9	Cụm cơ sở nghiên cứu, giáo dục tại Đông Anh - Mê Linh.	Đông Anh - Mê Linh	50 ha
10	Cụm cơ sở nghiên cứu, giáo dục tại Quốc Oai: đào tạo, nghiên cứu y khoa, công nghệ sinh học và các trung tâm nghiên cứu ứng dụng hỗ trợ phát triển nông nghiệp…	Quốc Oai	50 - 100 ha

III. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
A	**Các công trình hiện có (Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp)**		
1	Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	
2	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	Quận Hà Đông	
3	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Quận Cầu Giấy	

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
4	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm	
5	Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
6	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề Nấu ăn - nghiệp vụ Du lịch và thời trang Hà Nội thành trường cao đẳng	Thị xã Sơn Tây	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây mới một số hạng mục công trình
7	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội thành trường cao đẳng	Quận Bắc Từ Liêm	
8	Nâng cấp Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Thăng Long thành trường cao đẳng	Huyện Đông Anh	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây mới thêm 1 địa điểm được bổ sung.
9	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội thành trường cao đẳng	Huyện Chương Mỹ	
10	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề số 1 Hà Nội thành trường cao đẳng	Huyện Phú Xuyên	
11	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề Cơ khí I Hà Nội thành trường cao đẳng	Huyện Đông Anh	
B	**Các công trình xây mới**		
1	Trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	Quận Nam Từ Liêm	
2	Trường cao đẳng (cơ sở giáo dục nghề nghiệp) thực hiện chức năng trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	Huyện Đông Anh	
3	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội.	Huyện Chương Mỹ	

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
4	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội.	Huyện Đông Anh	
5	Trường Cao đẳng Đào tạo nghề chất lượng cao	Huyện Ứng Hoà	
6	Xây dựng một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập	Các quận, huyện, thị xã	Số cơ sở và địa điểm trên toàn thành phố dựa trên nhu cầu và khả năng thu hút đầu tư của từng địa phương

Ghi chú:

- Phát triển cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục phổ thông bám sát theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, mật độ dân cư trên địa bàn tại các đơn vị.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thành phố Hà Nội phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và nhu cầu thực tế của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục XVII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG, CƠ SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. HẠ TẦNG VĂN HÓA

TT	Tên công trình	Địa điểm
A	**Các di tích trọng điểm (tu bổ, tôn tạo, mở rộng)**	
1	Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long	Quận Ba Đình
2	Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám	Quận Đống Đa
3	Khu di tích Cổ Loa	Huyện Đông Anh
4	Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn	Quận Hoàn Kiếm
5	Di tích đình Hạ Hiệp	Huyện Phúc Thọ
6	Di tích Chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá, Phượng Cách	Huyện Quốc Oai
7	Di tích đình So	Huyện Quốc Oai
8	Di tích đền Bạch Mã	Quận Hoàn Kiếm
9	Di tích đình Chèm	Quận Bắc Từ Liêm
10	Di tích đền Phù Đổng	Huyện Gia Lâm
11	Di tích lịch sử và quần thể danh lam thắng cảnh Hương Sơn	Huyện Mỹ Đức
12	Di tích Chùa Tây Phương	Huyện Thạch Thất
13	Di tích đền - chùa - đình Hai Bà Trưng	Quận Hai Bà Trưng
14	Di tích gò Đống Đa	Quận Đống Đa
15	Di tích đình Tây Đằng	Huyện Ba Vì

TT	Tên công trình	Địa điểm
16	Khu di tích Hai Bà Trưng	Huyện Mê Linh
17	Di tích đền Hát Môn	Huyện Phúc Thọ
18	Khu di tích đền Sóc	Huyện Sóc Sơn
19	Khu di tích Thành cổ Sơn Tây, Đền Và	Thị xã Sơn Tây
20	Khu di tích lịch sử văn hóa làng cổ Đường Lâm	Thị xã Sơn Tây
21	Khu di tích Đình (đền) Phùng Hưng, Đền và Lăng Ngô Quyền	Thị xã Sơn Tây
22	Cụm di tích chùa Trầm, chùa Vô Vi, chùa Trăm Gian	Chương Mỹ
23	Di tích đình Nội - Bình Đà, xã Bình Minh và di tích chùa Bối Khê	Huyện Thanh Oai
24	Di tích đình Tường Phiêu	Huyện Phúc Thọ
25	Các công trình di tích, lịch sử, văn hóa khác	Các quận, huyện, thị xã
B	**Các công trình văn hóa (xây mới)**	
1	Bảo tàng Đảng Cộng sản Việt Nam	Quận Bắc Từ Liêm
2	Nhà hát tại khu vực Quảng An, quận Tây Hồ	Quận Tây Hồ
3	Nhà hát múa rối Thăng Long	Quận Hoàn Kiếm
4	Thư viện Hà Nội (cơ sở 2)	Quận Hà Đông
5	Nhà hát nghệ thuật Xiếc và tạp kỹ Hà Nội	Quận Đống Đa
6	Cung văn hóa, thể thao Thanh niên	Quận Hai Bà Trưng
7	Cung triển lãm Quy hoạch của Thủ đô	Khu vực phía Bắc
8	Nhà hát thành phố Hà Nội	Khu vực đô thị trung tâm

TT	Tên công trình	Địa điểm
9	Hạ tầng phát triển không gian bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống xứ Đoài	Thị xã Sơn Tây
10	Đền thờ Đức vua Ngô Quyền	Huyện Đông Anh
11	Tượng đài chiến thắng Cầu Giẽ	Huyện Phú Xuyên.
12	Công viên di sản kết hợp quảng trường và công trình công cộng tại khu di tích Thành Cổ Loa	Huyện Đông Anh
13	Hệ thống công viên chuyên đề	Các quận, huyện, thị xã
14	Hệ thống rạp hát, sân khấu ngoài trời trên cơ sở khai thác điều kiện tự nhiên các hồ lớn	Các quận, huyện, thị xã
15	Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	Ứng Hòa, Nam Từ Liêm, Mỹ Đức, Phú Xuyên,...
16	Hệ thống bảo tàng chuyên đề	Các huyện, thị xã
17	Trung tâm công nghiệp văn hóa	Dọc hai bên sông Hồng và khu vực có lợi thế tại các quận, huyện, thị xã
18	Hạ tầng phát triển không gian văn hóa hai bên sông Hồng	Các quận, huyện, thị xã dọc sông Hồng
19	Hạ tầng phát triển không gian văn hóa du lịch Hồ Tây và phụ cận	Quận Tây Hồ
20	Xây dựng công viên di sản danh nhân Tô Hiến Thành	Huyện Đan Phượng
21	Nghiên cứu phục hồi các di sản văn hóa vùng đất cổ Ô Diên	Huyện Đan Phượng
22	Hệ thống quảng trường, tượng đài	Các quận, huyện, thị xã
23	Các công trình văn hóa ngoài công lập	Các quận, huyện, thị xã

II. HẠ TẦNG THỂ DỤC, THỂ THAO

TT	Hạng mục	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
A	**Công trình hiện có**		
1	Khu vận động viên cao cấp Mỹ Đình	Quận Nam Từ Liêm	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục hiện có. Xây mới các hạng mục chưa có theo quy hoạch đã được phê duyệt.
2	Cung thể thao Quần Ngựa	Quận Ba Đình	Cải tạo, nâng cấp
3	Sân vận động Hà Đông	Quận Hà Đông	Cải tạo, nâng cấp
4	Trung tâm Thể dục thể thao Khúc Hạo	Quận Tây Hồ	Cải tạo, nâng cấp
5	Trung tâm đua thuyền Hồ Tây	Quận Tây Hồ	Cải tạo, nâng cấp
B	**Công trình xây mới**		
1	Khu liên hợp thể thao quốc gia	Khu vực phía Bắc thuộc Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn	
2	Tổ hợp thể thao thành phố phía Tây	Khu vực Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Sơn Tây	
3	Khu thể thao dân tộc và trò chơi dân gian	Khu vực sông Hồng tại quận Long Biên và các quận, huyện, thị xã	
4	Khu liên hợp thể thao phía Nam	Thanh Trì, Thường Tín	

TT	Hạng mục	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
5	Khu trung tâm thể dục thể thao Quân đội	Quận Nam Từ Liêm	
6	Sân vận động Hàng Đẫy	Quận Đống Đa	
7	Một số khu thể thao, sân vận động; trung tâm thể dục - thể thao; nhà thi đấu…	Các quận, huyện, thị xã	Số lượng, địa điểm được xác định cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch
8	Các công trình thể thao ngoài công lập	Các quận, huyện, thị xã	Số công trình và địa điểm trên toàn thành phố dựa trên nhu cầu và khả năng thu hút đầu tư

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục XVIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN XÂY MỚI

TT	Danh mục	Địa điểm	Ghi chú
1	Trung tâm phân phối, bán buôn; trung tâm thương mại; siêu thị	Các quận, huyện, thị xã	
2	Chợ đầu mối nông sản tổng hợp cấp vùng	Bắc Từ Liêm, Gia Lâm, Mê Linh, Ba Vì, Phú Xuyên, Quốc Oai, Ứng Hòa, Chương Mỹ, Đan Phượng, Thanh Oai	
3	Hệ thống cửa hàng bán lẻ sản phẩm chất lượng với giá cả cạnh tranh, hàng tồn kho của các nhà sản xuất (theo mô hình Outlet)	Các quận, huyện, thị xã	
4	Các trung tâm mua sắm, kinh tế ban đêm	Các quận, huyện, thị xã	

II. TRUNG TÂM LOGISTICS

TT	Danh mục	Quy mô	Địa điểm	Ghi chú
A	**Công trình hiện có (nâng cấp, cải tạo)**			
1	Trung tâm logistics Hateco	12 ha	Quận Long Biên	
2	Trung tâm logistics đường sắt Yên Viên	10 ha	Huyện Gia Lâm	
3	Trung tâm logistics đường bộ	5,5 ha	Quận Nam Từ Liêm	
4	Trung tâm khai thác vận chuyển khu vực phía Bắc	3,6 ha	Huyện Mê Linh	

TT	Danh mục	Quy mô	Địa điểm	Ghi chú
B	**Công trình dự kiến xây mới**			
1	Các Trung tâm logistics	Hạng I	Các quận, huyện: Bắc Từ Liêm; Sóc Sơn; Chương Mỹ; Thanh Oai; Đan Phượng;	
2	Các Trung tâm logistics	Hạng II	Các quận, huyện: Hoàng Mai; Phú Xuyên; Thường Tín; Ứng Hoà; Thanh Trì; Đông Anh; Hoài Đức;	
3	Trung tâm logistics tại Cảng cạn ICD Cổ Bi	Hạng I	Huyện Gia Lâm	
4	Trung tâm logistics tại Cảng cạn ICD Đức Thượng	Hạng I	Huyện Hoài Đức	
5	Trung tâm logistics tại Cảng container quốc tế Phù Đổng	Hạng I	Huyện Gia Lâm	

III. TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM XÂY MỚI

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
1	Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia	Khu vực phía Nam	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục XIX

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG TRÌNH TRỢ GIÚP XÃ HỘI THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	**Công trình hiện có (cải tạo, nâng cấp)**		
1	Các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công	Tỉnh Phú Thọ; Quận Hà Đông, huyện Ứng Hòa, huyện Ba Vì, thị xã Sơn Tây	
2	Các cơ sở trợ giúp xã hội	Các quận, huyện, thị xã	
3	Các cơ sở cai nghiện ma túy	Quận Nam Từ Liêm, huyện Ba Vì, huyện Sóc Sơn, thị xã Sơn Tây	
II	**Công trình xây dựng mới**		
1	Trung tâm chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần số 3 Hà Nội	Khu vực phía Bắc thành phố	
2	Trung tâm chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần số 4 Hà Nội	Khu vực phía Nam thành phố	
3	Trung tâm chăm sóc người cao tuổi theo tiêu chuẩn các nước phát triển trên thế giới	Các quận, huyện, thị xã	
4	Một số cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật	Các quận, huyện, thị xã	
5	Xây dựng một số cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập	Các quận, huyện, thị xã	Số cơ sở và địa điểm trên toàn thành phố dựa trên nhu cầu và khả năng thu hút đầu tư của từng địa phương
6	Trung tâm đa chức năng	Huyện Ứng Hoà	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục XX

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030			
				Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ * (ha)	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng số	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)
I	**Loại đất**						
1	**Đất nông nghiệp**	**198.083**	**58,96**	**173.175**	**-731**	**172.444**	**51,33**
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa	100.725	50,85	89.857	-731	89.126	51,68
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	94.053	93,38	87.925	-731	87.194	97,83
1.2	Đất trồng cây lâu năm	29.365	14,82		25.957	25.957	15,05
1.3	Đất rừng phòng hộ	3.951	1,99	5.881		5.881	3,41
1.4	Đất rừng đặc dụng	10.295	5,20	11.017		11.017	6,39
1.5	Đất rừng sản xuất	6.087	3,07	4.991		4.991	2,89

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030			
				Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ * (ha)	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng số	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	1.557	25,58	1.528		1.528	30,62
1.6	Các loại đất nông nghiệp còn lại	47.660	24,06		35.472	35.472	20,57
2	**Đất phi nông nghiệp**	**135.192**	**40,24**	**161.812**	**731**	**162.543**	**48,38**
	Trong đó:						
2.1	Đất quốc phòng **	7.279	5,38	8.620		8.620	5,30
2.2	Đất an ninh***	487	0,36	584	716	1.300	0,80
2.3	Đất khu công nghiệp	1.701	1,26	3.828		3.828	2,36
2.4	Đất cụm công nghiệp	1.160	0,86		2.825	2.825	1,74
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	1.835	1,36		2.945	2.945	1,81
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3.941	2,92		4.038	4.038	2,48
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	438	0,32		654	654	0,40
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	46.759	34,59	60.829	-769	60.060	36,95

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030			
				Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ * (ha)	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng số	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Trong đó:						
-	Đất giao thông	30.115	64,40	38.300		38.300	63,77
-	Đất thủy lợi	8.783	18,78		8.896	8.896	14,81
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	1.073	2,30	1.810		1.810	3,01
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	410	0,88	747		747	1,24
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	3.847	8,23	6.045		6.045	10,06
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	1.689	3,61	2.205		2.205	3,67
-	Đất công trình năng lượng	157	0,34	784		784	1,31
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	89	0,19	862	-769	93	0,15
-	Các loại đất phát triển hạ tầng còn lại	595	1,27		1.180	1.180	1,96
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia			20		20	0,01
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	263	0,19	350		350	0,22

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030			
				Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ * (ha)	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng số	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	523	0,39	761		761	0,47
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	804	0,59		868	868	0,53
2.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	3.368	2,49		3.795	3.795	2,33
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	70	0,05		148	148	0,09
2.15	Đất ở tại nông thôn	28.618	21,17		22.071	22.071	13,58
2.16	Đất ở tại đô thị	11.134	8,24		22.751	22.751	14,00
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	621	0,46		955	955	0,59
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	415	0,31		462	462	0,28
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	41	0,03		47	47	0,03
2.20	Các loại đất phi nông nghiệp còn lại	25.735	19,04		26.045	26.045	16,02
3	**Đất chưa sử dụng**	**2.709**	**0,81**	**997**		**997**	**0,30**

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030			
				Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ * (ha)	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng số	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
II	**Khu chức năng**						
1	Đất khu công nghệ cao	1.607	0,48	1.790		1.790	0,53
2	Đất khu kinh tế	164	0,05		164	164	0,05
3	Đất đô thị	42.833	12,75	74.555	56.590	131.145	39,03
4	Khu sản xuất nông nghiệp	103.084	30,68		62.212	62.212	18,52
5	Khu lâm nghiệp	20.333	6,05		24.383	24.383	7,26
6	Khu du lịch	1.853	0,55		4.560	4.560	1,36
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	6.223	1,85		11.041	11.041	3,29
8	Khu phát triển công nghiệp	2.861	0,85		7.565	7.565	2,25
9	Khu đô thị	3.340	0,99		6.825	6.825	2,03
10	Khu thương mại - dịch vụ	1.835	0,55		6.179	6.179	1,84
11	Khu dân cư nông thôn	74.661	22,22		69.212	69.212	20,60

Ghi chú:

- Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Trong quá trình thực hiện, địa phương tuân thủ chặt chẽ quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh. Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các công trình, dự án sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư. Việc điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

*Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025.

** Diện tích đất quốc phòng đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

*** Diện tích đất an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phụ lục XXI

CÁC KHU VỰC THUỘC VÙNG BẢO VỆ NGHIÊM NGẶT, VÙNG HẠN CHẾ PHÁT THẢI THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Vùng môi trường	Phạm vi
I	**Vùng bảo vệ nghiêm ngặt**	
1	Khu dân cư tập trung của các quận	- Gồm các quận hiện nay: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Hoàng Mai, Tây Hồ, Long Biên, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hà Đông - Quận dự kiến thành lập: Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng
2	Khu dân cư tập trung của thành phố phía Bắc và thành phố phía Tây	Các huyện: Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn
		Các huyện: Thạch Thất, Chương Mỹ
3	Khu dân cư tập trung của đô thị loại II	Đô thị Hòa Lạc
4	Khu dân cư tập trung của đô thị loại III	Đô thị Sơn Tây
		Đô thị Sóc Sơn
		Đô thị Xuân Mai
		Đô thị Phú Xuyên
5	Khu bảo tồn thiên nhiên	Vườn Quốc gia Ba Vì
		Khu bảo vệ cảnh quan Chùa Thầy
		Khu bảo vệ cảnh quan Hương Sơn
		Khu bảo vệ cảnh quan K9 - Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh
		Khu bảo vệ cảnh quan Vật Lại
		Khu bảo vệ cảnh quan Đền Và
		Khu Dự trữ thiên nhiên Quan Sơn: Thành lập mới
		Khu bảo vệ cảnh quan hồ Hoàn Kiếm: Thành lập mới

		Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Đồng Mô - Ngải Sơn: Thành lập mới
		Khu bảo vệ cảnh quan hồ Suối Hai: Thành lập mới
		Khu bảo vệ cảnh quan Hồ Tây: Thành lập mới
		Khu bảo tồn loài và sinh cảnh hồ Xuân Khanh: Thành lập mới
6	Khu di sản văn hóa thế giới	Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long
7	Di tích quốc gia cấp đặc biệt	Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tại Phủ Chủ tịch, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình
		Đền Sóc, thôn Vệ Linh, xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn
		Chùa Tây Phương, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất
		Chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá Phượng Cách, tại xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai
		Đình Tây Đằng, tại thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì
		Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm
		Đến Phù Đổng, tại xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm
		Đền Hát Môn, tại xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ
		Đền Hai Bà Trưng, tại thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh
		Văn Miếu - Quốc Tử Giám, tại phường Văn Miếu, quận Đống Đa
		Thành Cổ Loa, tại xã Cổ Loa, Dục Tú và Việt Hùng, huyện Đông Anh
		Chùa Đậu, tại xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín
		Di tích nhà số 48 Hàng Ngang, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm
		Đình Đại Phùng, tại xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng
		Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Quần thể Hương Sơn, huyện Mỹ Đức
		Đình Chèm, tại Phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm

		Di tích Đền - Chùa - Đình Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng
		Đình Hạ Hiệp xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ
		Đình Tường Phiêu xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ
8	Các di tích quốc gia	Các quận, huyện, thị xã
9	Các di tích cấp thành phố	Các quận, huyện, thị xã
10	Nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Khu vực nhà máy nước Bắc Thăng Long, xã Kim Trung, huyện Đông Anh
		Khu vực nhà máy nước Ba Vì, xã Phú Sơn, huyện Ba Vì
		Khu vực nhà máy nước Sông Đuống, xã Phù Đổng và xã Trung Mầu, huyện Gia Lâm
		Khu vực nhà máy nước Sông Hồng, xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng
		Khu vực nhà máy nước nội bộ (Phúc Thọ, Minh Quang, Minh Châu, Tiến Thịnh...)
II	**Vùng hạn chế phát thải**	
1	Vùng đệm của Vườn quốc gia Ba Vì	Xã Ba Trại, xã Ba Vì, xã Tản Lĩnh, xã Vân Hòa, xã Yên Bài, xã Khánh Thượng, xã Minh Quang (huyện Ba Vì); xã Yên Bình, xã Yên Trung, xã Tiến Xuân (huyện Thạch Thất), xã Đông Xuân (huyện Quốc Oai)
2	Khu dân cư tập trung của đô thị loại IV	Thị trấn sinh thái Phúc Thọ
		Thị trấn sinh thái Quốc Oai
		Thị trấn sinh thái Chúc Sơn
3	Khu dân cư tập trung của đô thị loại V	Phân khu đô thị N2 (huyện Mê Linh)
		Thị trấn Liên Quan (huyện Thạch Thất)
		Thị trấn Kim Bài (huyện Thanh Oai)
		Thị trấn Thường Tín (huyện Thường Tín)
		Thị trấn Tây Đằng (huyện Ba Vì)
		Thị trấn Tản Viên Sơn (huyện Ba Vì)
		Thị trấn Đại Nghĩa (huyện Mỹ Đức)
		Thị trấn Vân Đình (huyện Ứng Hòa)
		Thị trấn Nỉ (huyện Sóc Sơn)

4	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Các hành lang bảo vệ nguồn nước được lập theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước
5	Vùng đất ngập nước quan trọng	Hồ Cẩm Quỳ
		Hồ Đầm Long
		Hồ Mèo Gù
		Hệ thống suối Yến - Long Vân
		Suối Tuyết Sơn
		Hồ Bảy Mẫu
		Hồ Thanh Nhàn 1 (trong khuôn viên Công viên Thống Nhất)
		Hồ Thiền Quang
6	Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường cần được bảo vệ	Không gian xanh: bao gồm toàn bộ hành lang xanh, vành đai xanh, các nêm xanh và các công viên đô thị
		Khu rừng phòng hộ
III	**Vùng khác**	Gồm các khu vực phát triển đa mục tiêu, bao gồm các khu vực nằm ngoài vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn các huyện, thị xã của Thủ đô Hà Nội

Ghi chú: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch Thành phố theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Phụ lục XXII

PHƯƠNG ÁN KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC, KHU RỪNG ĐẶC DỤNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

TT	Tên khu/cơ sở bảo tồn	Diện tích dự kiến (ha)	Phân hạng	Phân loại	Ghi chú
I	**Khu bảo tồn cấp quốc gia**				
1	Ba Vì	7.173,03	Vườn quốc gia	Đất liền	Chuyển tiếp
2	K9 - Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	234	Bảo vệ cảnh quan	Đất liền	Chuyển tiếp
II	**Khu bảo tồn cấp thành phố**				
1	Quan Sơn	2.741,10	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Thành lập mới
2	Hồ Hoàn Kiếm	16,0	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Thành lập mới
3	Hồ Tây	525	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Thành lập mới
4	Hương Sơn	2.719,80	Bảo vệ cảnh quan	Đất liền	Chuyển tiếp
5	Vật Lại	11,28	Bảo vệ cảnh quan	Đất liền	Chuyển tiếp
6	Đền Và	5,7	Bảo vệ cảnh quan	Đất liền	Thành lập mới
7	Đồng Mô - Ngải Sơn	900,0	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Thành lập mới

TT	Tên khu/cơ sở bảo tồn	Diện tích dự kiến (ha)	Phân hạng	Phân loại	Ghi chú
8	Hồ Suối Hai	1.200	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Thành lập mới
9	Hồ Xuân Khanh	85,25	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Thành lập mới
10	Bãi giữa Văn Lang huyện Ba Vì	1.000	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Thành lập mới
11	Chùa Thầy	37,13	Bảo vệ cảnh quan	Đất liền	Chuyển tiếp

II. KHU RỪNG ĐẶC DỤNG

STT	Tên khu rừng	Vị trí	Diện tích dự kiến (ha)	Mục đích thành lập	Ghi chú
1	Ba Vì	Các huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai	7.173,03	Bảo tồn đa dạng sinh học, di tích lịch sử, du lịch sinh thái, cảnh quan, môi trường	Chuyển tiếp
2	Chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá, Phượng Cách	Huyện Quốc Oai	17,0	Bảo vệ cảnh quan di tích lịch sử, môi trường, du lịch	Chuyển tiếp
3	K9 - Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	Huyện Ba Vì	234,00	Bảo vệ cảnh quan, di tích lịch sử, môi trường, du lịch	Chuyển tiếp
4	Hương Sơn	Huyện Mỹ Đức	3.760,00	Bảo vệ cảnh quan, di tích lịch sử, môi trường, du lịch	Chuyển tiếp
5	Vật Lại	Huyện Ba Vì	7,00	Bảo vệ cảnh quan, di tích lịch sử, môi trường, du lịch	Chuyển tiếp

STT	Tên khu rừng	Vị trí	Diện tích dự kiến (ha)	Mục đích thành lập	Ghi chú
6	Rừng Nghiên cứu thực nghiệm, Trường Đại học Lâm nghiệp	Huyện Chương Mỹ	40,2	Nghiên cứu, thực nghiệm, giáo dục đào tạo	Chuyển tiếp
7	Viện Nghiên cứu giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp	Huyện Ba Vì	215,1	Nghiên cứu giống và ứng dụng công nghệ sinh học lâm nghiệp	Chuyển tiếp
Tổng			**11.446,33**		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục XXIII

PHƯƠNG ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Loại khoáng sản	Số mỏ dự kiến quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng	Tổng diện tích các mỏ dự kiến	Địa điểm dự kiến
1	Nước khoáng, nước nóng	04 - Lỗ khoan		Huyện Ba Vì
2	Đá vôi xi măng	01	Khoảng 48 ha	Huyện Mỹ Đức
3	Sét xi măng	01	Khoảng 35 ha	Huyện Mỹ Đức
4	Đá bazan	02	Khoảng 57 ha	Huyện Quốc Oai
5	Cát xây dựng, san lấp	28	Khoảng 1.263 ha	Các huyện: Mê Linh, Đan Phượng, Đông Anh, Ba Vì và một số huyện khác
6	Sét gạch ngói	09	Khoảng 212 ha	Các huyện: Ba Vì, Sóc Sơn, Đông Anh, Mê Linh, Đan Phượng, Mỹ Đức và một số huyện khác
7	Puzolan	01	Khoảng 19 ha	Thị xã Sơn Tây
8	Than bùn	02	Khoảng 59 ha	Các huyện Ba Vì, Mỹ Đức
9	Đất san lấp	03	Khoảng 32 ha	Huyện Ba Vì, Thị xã Sơn Tây và một số huyện khác
Tổng cộng		**51**	**1.722 ha**	

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội rà soát, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, quy định có liên quan; rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của địa phương và các quy định pháp luật hiện hành.

- Đối với một số khu vực mỏ, khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tất cả các khu vực quy hoạch, khi thăm dò phát hiện khoáng sản có giá trị cao hơn vật liệu xây dựng thông thường phải báo cấp có thẩm quyền giải quyết, định hướng khai thác sử dụng đúng giá trị tài nguyên.

- Đối với cát xây dựng và san lấp trên tuyến sông, phải có đầu tư khảo sát đánh giá, xác định chi tiết diện tích thăm dò, khai thác để bảo đảm an toàn môi trường, dòng chảy và lòng bờ, bãi sông, tuân thủ theo Luật Khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Phụ lục XXIV

PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG NGUỒN NƯỚC THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sông	Điểm đầu		Điểm cuối		Chức năng nguồn nước
		Xã	Huyện	Xã	Huyện	
1	Sông Công	Bắc Sơn	Sóc Sơn	Trung Giã	Sóc Sơn	Giao thông thủy, cấp nước sản xuất nông nghiệp
2	Sông Cầu	Trung Giã	Sóc Sơn	Việt Long	Sóc Sơn	Giao thông thủy, cấp nước sản xuất nông nghiệp
3	Sông Đuống	Tâm Xá	Đông Anh	Lệ Chi	Gia Lâm	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sinh hoạt
4	Sông Cà Lồ	Tân Dân	Sóc Sơn	Thụy Lâm	Đông Anh	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
5	Phụ lưu số 6 (Ngòi Cầu Trắng)	Hiền Ninh	Sóc Sơn	Thanh Xuân	Sóc Sơn	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
6	Kênh Anh Hùng	Hiền Ninh	Sóc Sơn	Tân Dân	Sóc Sơn	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
7	Sông Thiếp	Nam Hồng	Đông Anh	Cổ Loa	Đông Anh	Cấp nước sản xuất nông nghiệp
8	Phụ lưu số 26 (Ngòi Cầu Đẳng)	Phù Linh	Sóc Sơn	Việt Long	Sóc Sơn	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp

TT	Tên sông	Điểm đầu		Điểm cuối		Chức năng nguồn nước
		Xã	Huyện	Xã	Huyện	
9	Sông Hồng	Phong Vân	Ba Vì	Quang Lãng	Phú Xuyên	Cấp nước sinh hoạt Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Cấp nước cho du lịch, dịch vụ Giao thông thủy
10	Sông Đà	Khánh Thượng	Ba Vì	Phong Vân	Ba Vì	Cấp nước sinh hoạt Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Giao thông thủy
11	Sông Đáy	Đồng Tháp	Đan Phượng	Hương Sơn	Mỹ Đức	Cấp nước cho du lịch, dịch vụ Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Môi trường
12	Sông Bùi	Yên Bài	Ba Vì	Hòa Chính	Chương Mỹ	Cấp nước sinh hoạt Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Cấp nước cho du lịch, dịch vụ

TT	Tên sông	Điểm đầu		Điểm cuối		Chức năng nguồn nước
		Xã	Huyện	Xã	Huyện	
13	Sông Tích Giang	Tòng Bạt	Ba Vì	Thụy An	Ba Vì	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Cấp nước cho du lịch, dịch vụ
		Thụy An	Ba Vì	Tích Giang	Phúc Thọ	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
14	Suối Hai	Minh Quang	Ba Vì	Ba Trại	Ba Vì	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
15	Sông Con	TT Xuân Mai	Chương Mỹ	TT Xuân Mai	Chương Mỹ	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
16	Suối Ngang	Bình Yên	Thạch Thất	Bình Yên	Thạch Thất	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
17	Sông Cầu Du	Vân Hòa	Ba Vì	Trung Sơn Trầm	TX. Sơn Tây	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
18	Phân lưu số 19	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Tri Trung	Phú Xuyên	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
19	Sông Thanh Hà	An Phú	Mỹ Đức	Đốc Tín	Mỹ Đức	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp

TT	Tên sông	Điểm đầu		Điểm cuối		Chức năng nguồn nước
		Xã	Huyện	Xã	Huyện	
20	Suối Yến	Hương Sơn	Mỹ Đức	Hương Sơn	Mỹ Đức	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Cấp nước cho du lịch, dịch vụ
21	Sông Ngoại Độ	Trung Tú	Ứng Hòa	Đội Bình	Ứng Hòa	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
22	Sông Nhuệ	Xuân Phương	Bắc Từ Liêm	Quang Trung	Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sinh hoạt Môi trường
23	Sông Măng Giang	Đội Bình	Ứng Hòa	Đông Lỗ	Ứng Hòa	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
24	Sông Nông Giang (Sông Duy Tiên)	Châu Can	Phú Xuyên	Minh Tân	Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Cấp nước sản xuất nông nghiệp
25	Sông Hòa Bình	Tam Hiệp	Thanh Trì	Đại Áng, Tả Thanh Oai	Thanh Trì	Cấp nước sản xuất nông nghiệp
26	Sông Cầu Bây	Việt Hưng	Long Biên	Kiêu Kỵ	Gia Lâm	Cấp nước sản xuất nông nghiệp
27	Sông Ngũ Huyện Khê	Xuân Canh, Đông Hội	Đông Anh	Hòa Long	Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Cấp nước sản xuất nông nghiệp
28	Sông Giàng	Đặng Xá	Gia Lâm	Dương Quang	Gia Lâm	Cấp nước sản xuất nông nghiệp

Phụ lục XXV

DANH MỤC CÁC KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG HIỆN CÓ BỔ SUNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên Bối, bãi	Vị trí theo Km đê chính	Số khu dân cư tập trung	Diện tích khu dân cư tập trung (ha)	Dân số (người)	Ghi chú
	TỔNG		**33**	**674**	**151.535**	
A	**HỮU ĐÀ**					
I	**Thuần Mỹ**					
1	Thôn 5 Thuần Mỹ - Đan Thê	K2+350-K3+850	1	5,0	402	
2	Khê Thượng - Thái Bạt	K5+600-K7+800	1	28,8	2.700	
II	**Minh Khánh**					
3	Thôn Sơn Hà	Không có đê chính	1	14,2	1.483	
B	**HỮU HỒNG**					
III	**Cổ Đô**					
4	Thôn Trung Hà Thái Hòa 2 - Vân Hội (Phong Vân 1)	K0+000-K2+400	1	17,5	2.194	
IV	**Minh Châu**					
5	Khu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Minh Châu	K20+500-K23+500 (Bãi giữa sông Hồng)	1	82,08	6.633	
6	Chu Quyến - Chu Minh	K21+500-K22+800	1	15,20	1.370	

TT	Tên Bối, bãi	Vị trí theo Km đê chính	Số khu dân cư tập trung	Diện tích khu dân cư tập trung (ha)	Dân số (người)	Ghi chú
7	Đường Lâm 2	K27+700-K28+600	1	5,38	487	
8	Phú Thịnh 1	K29+000-K29+400	1	1,76	410	
V	**Cẩm Đình**					
9	Cụm 1	K3+300-K5+000 đê Vân Cốc	1	13,00	1.040	
VI	**Điện Biên - Giao An**					
10	Thọ An	K10+500-K11+200 Vân Cốc	1	8,92	875	
11	Hồng Hà	K14+800-K15+160 Vân Cốc và K40+350-K42+950 Hữu Hồng	1	38,00	3.995	
12	Liên Hồng	K42+950-K44+900	1	12,18	1.893	
VII	**Thượng Cát, Liên Mạc**					
13	Đông Ngạc	K54+200-K55+200	1	7,70	982	Đã trừ phần dân cư di dời Đông Ngạc
14	Thượng Thụy (tổ 1)	K56+050-K56+500	1	4,64	739	

TT	Tên Bối, bãi	Vị trí theo Km đê chính	Số khu dân cư tập trung	Diện tích khu dân cư tập trung (ha)	Dân số (người)	Ghi chú
VIII	**Yên Phụ -Vĩnh Tuy**					
15	Yên Phụ - Vĩnh Tuy	K62+630-K69+700	1	216,30	97.286	
IX	**Hoàng Mai**					
16	Thanh Trì 1	K71+200-K72+050	1	4,30	1.110	
X	**Thanh Trì 1**					
17	Thôn Đại Lan	K82+400-K83+000	1	2,64	438	
XI	**Thanh Trì 2**					
18	Ninh Sở	K85+689-K87+700	1	34,00	6.700	
19	Hồng Vân 1	K88+980-K90+700	1	14,46	1.750	
C	**TẢ HỒNG**					
XII	**Tráng Việt**					
20	Võng La	K51+300-K51+900 K53+500-K54+900	2	24,30	2.597	Đã trừ phần dân cư di dời
21	Hải Bối	K54+900-K57+900	1	67,80	6.013	
XIII	**Ngọc Thụy**					
22	Yên Tân	K65+500-K66+200	1	5,56	1.543	Đã trừ phần dân cư di dời
23	Tổ 27	K66+200-K66+900	1	3,47	1.286	Đã trừ phần dân cư di dời

TT	Tên Bối, bãi	Vị trí theo Km đê chính	Số khu dân cư tập trung	Diện tích khu dân cư tập trung (ha)	Dân số (người)	Ghi chú
D	**TẢ ĐUỐNG**					
XIV	**Đông Ngàn**					
24	Đông Ngàn	K2+200-K3+200	1	5,8	690	Đã trừ phần dân cư di dời Đông Ngàn
25	Mai Lâm	K4+140-K5+500	1	12,8	1.288	
26	TDP Đuống 1	K8+400-K8+800	1	2,9	1.102	Đã trừ phần dân cư di dời Yên Viên
27	TDP Đuống 2	K8+900-K9+300	1	3,0	683	
XV	**Phù Đổng**					
28	Xóm 4	K15+500-K15+700	1	3,60	715	
E	**HỮU ĐUỐNG**					
29	Thượng Thanh Tổ 18,19	K1+900-K3+100	1	10,50	897	Đã trừ phần dân cư di dời Thượng Thanh
F	**HỮU CẦU**					
XVI	**Trung Giã**					
30	Hòa Bình	K17+000-K17+800	1	8,00	677	
31	Xóm Gò Sành, thôn An Lạc	K17+200-K17+500	1	5,63	476	

TT	Tên Bối, bãi	Vị trí theo Km đê chính	Số khu dân cư tập trung	Diện tích khu dân cư tập trung (ha)	Dân số (người)	Ghi chú
G	**TẢ CÀ LỒ**					
XVII	**Tân Lập**					
32	Xóm Tân Lập, thôn Xuân Dương	K0+900-K1+300	1	9,29	1.083	

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Thủ tướng Chính phủ về số liệu dân số, số khu dân cư tập trung và diện tích khu dân cư tập trung hiện có tại Phụ lục này.

- Quy hoạch Thủ đô xác định vị trí, diện tích các khu vực dân cư tập trung hiện có được tồn tại, bảo vệ; diện tích chính xác, ranh giới các khu dân cư tập trung sẽ được xác định cụ thể khi triển khai lập quy hoạch chung, các đề án, dự án và các quy hoạch có liên quan theo quy định.

Phụ lục XXVI

GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ PHÁT TRIỂN ĐÊ ĐIỀU THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Giải pháp kỹ thuật	Địa điểm
A	**CÁC GIẢI PHÁP CÔNG TRÌNH**	
I	**Cải tạo lòng dẫn, tăng cường thoát lũ**	
1	Ổn định cửa Đuống, kiểm soát phân lưu Hồng - Đuống	Long Biên, Đông Anh
2	Nạo vét, cải tạo Lạch Quýt	Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm
3	Nạo vét, cải tạo các trục tiêu thoát lũ ra các sông Tích, Bùi	Ba Vì, Sơn Tây, Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ
4	Nạo vét, cải tạo sông Đáy, Tích, Bùi, Cà Lồ	Ba Vì, Sơn Tây, Phúc Thọ, Hoài Đức, Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Đông, Thanh Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Mê Linh, Đông Anh, Sóc Sơn
5	Kè bờ sông, mỏ hàn	Các quận, huyện, thị xã
II	**Nâng cấp, củng cố hệ thống đê**	
1	Hoàn thiện mặt cắt đê (cao trình, cơ, mái...)	Các quận, huyện, thị xã có đê
2	Xử lý ẩn họa, nâng cao chất lượng thân, nền đê (mối, đùn sủi, nền yếu, trồng tre chắn sóng…)	Các quận, huyện, thị xã có đê
3	Bảo vệ, chống lấn chiếm (đường hành lang, cắm mốc)	Các quận, huyện, thị xã có đê
4	Nâng cấp, cải tạo các công trình phụ trợ: cống, điếm, kho vật tư, cửa khẩu	Các quận, huyện, thị xã có đê

TT	Giải pháp kỹ thuật	Địa điểm
5	Cải tạo đê kết hợp cảnh quan, giao thông (mặt đê, mở rộng cải tạo đê, đường hành lang, cửa khẩu, cắt cong…)	Các quận, huyện, thị xã có đê
6	Nâng cấp, xây dựng hệ thống đê Tả, Hữu Đáy, Tả Hữu Bùi, Tả Tích	Các quận, huyện, thị xã hệ thống sông Đáy
7	Củng cố các đê bao, đê bối	Các quận, huyện, thị xã
8	Cắm mốc chỉ giới các khu vực dân cư tập trung hiện có được tồn tại, bảo vệ	Các quận, huyện, thị xã
III	**Quản lý, sử dụng bãi sông**	
1	Di dời ổn định dân cư khu vực nguy hiểm vùng bãi sông, vùng thường xuyên ngập lụt	Các quận, huyện, thị xã
2	Sắp xếp di dời dân cư phân tán	Các quận, huyện, thị xã
3	Xây dựng đường bao khu dân cư phục vụ cứu nạn cứu hộ kết hợp chỉnh trang, quản lý khu dân cư	Các quận, huyện, thị xã
4	Xây dựng kè chống sạt lở, bảo vệ bờ sông Hồng kết hợp đường giao thông, tạo cảnh quan, phát triển dịch vụ	Bắc Từ Liêm, Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Trì, Đông Anh, Long Biên, Gia Lâm
B	**CÁC GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH VÀ CÁC GIẢI PHÁP KHÁC**	Các quận, huyện, thị xã
1	Xác định không gian thoát lũ các khu vực không có đê thuộc các sông Cà Lồ, Tích, Bùi, Thanh Hà, Đà, Mỹ Hà	
2	Kiểm soát, quản lý sử dụng bãi sông; Kiểm soát khai thác cát	
3	Cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê điều	
4	Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai.	

TT	Giải pháp kỹ thuật	Địa điểm
5	Xây dựng bản đồ ngập lụt, xây dựng phương án ứng phó khẩn cấp đối phó với tình huống lũ trên sông Hồng; chuyển lũ từ sông Hồng vào sông Đáy; lũ lớn trên các sông Tích, Bùi, Mỹ Hà	
6	Tuyên truyền, đào tạo, nâng cao kỹ năng nhận thức của người dân về phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ công trình phòng chống thiên tai	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục XXVII

DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ HÀ NỘI, THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
I	**Bảo vệ môi trường**	
1	Dự án cải tạo môi trường, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các dòng sông: Nhuệ, Đáy, Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét	Các quận, huyện có dòng sông chảy qua
2	Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Tây sông Nhuệ	Các quận: Tây Hồ, Cầu Giấy và Bắc Từ Liêm
3	Xây dựng khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn giai đoạn II	Huyện Sóc Sơn
4	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn theo công nghệ hiện đại phía Tây tại Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, Núi Thoong, huyện Chương Mỹ; phía Nam tại Châu Can, huyện Phú Xuyên	Thị xã Sơn Tây, các huyện: Chương Mỹ, Phú Xuyên
5	Xây dựng và triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Các quận, huyện, thị xã có sông, ao hồ
6	Triển khai phân loại rác thải tại nguồn	Các quận, huyện, thị xã
7	Bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030	Các quận, huyện, thị xã có làng nghề
8	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải tách khỏi nước mưa, kết hợp các giải pháp cải tạo cảnh quan, kiểm soát chất lượng nước ao, hồ, kênh, mương...	Các quận, huyện, thị xã
9	Xây dựng hệ thống quan trắc chất lượng môi trường, ứng phó sự cố, cảnh báo an ninh nguồn nước cấp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội	Các quận, huyện, thị xã

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
10	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu xử lý chất thải tập trung	Các quận, huyện, thị xã
11	Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các bãi rác đã đóng cửa	Khu xử lí chất thải rắn Kiêu Kỵ, Vân Đình, Đông Lỗ…
12	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực tả Nhuệ, hữu Nhuệ	Hà Đông, Long Biên và khu vực phía Tây
13	Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Phú Đô	Quận Nam Từ Liêm
14	Xây dựng hệ thống thu gom, nhà máy xử lý nước thải An Lạc và Phúc Đồng	Quận Long Biên
15	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải Lại Yên giai đoạn I	Huyện Hoài Đức
16	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải Đại Áng giai đoạn I	Huyện Thanh Trì
17	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải Tân Hội giai đoạn I	Huyện Đan Phượng
18	Xây dựng các trục thoát nước lớn, xuyên tâm, kết nối hệ thống thoát nước của khu vực trung tâm ra các trục tiêu thoát chính của thành phố	Khu vực đô thị trung tâm
19	Xây dựng các nhà máy nước mặt sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng	Khu vực phía Nam và phía Bắc thành phố
20	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải	Các khu vực phát triển đô thị
II	**Mạng lưới giao thông**	
	Về hạ tầng đường bộ và cầu qua sông	
1	Đường vành đai 5 vùng Thủ đô	Hà Nội và các tỉnh vùng Thủ đô có tuyến đường đi qua
2	Nâng cấp mở rộng các đoạn tuyến Bắc Giang - Cầu Phù Đổng và Pháp Vân - Cầu Giẽ thuộc cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01)	Các quận, huyện: Gia Lâm, Long Biên, Hoàng Mai, Thanh Trì, Thường Tín, Phú Xuyên

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
3	Đầu tư xây dựng các đoạn tuyến Phú Thọ - Ba Vì và Ba Vì - Chợ Bến thuộc cao tốc Bắc - Nam phía Tây và nút giao với hệ thống giao thông đô thị (CT.02)	Các huyện Ba Vì, Mỹ Đức
4	Đầu tư hoàn thiện cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long và nút giao với hệ thống giao thông đô thị (CT.09)	Huyện Sóc Sơn
5	Đầu tư xây dựng mới cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ (CT.14)	Các huyện: Phú Xuyên, Ứng Hòa, Mỹ Đức
6	ĐT.401 (Trục Tây Thăng Long đoạn từ Vành đai 4 tới Sơn Tây)	TP Hà Nội
7	ĐT.402 (Trục Hồ Tây - Ba Vì đoạn từ Vành đai 4 tới Hòa Lạc)	TP Hà Nội
8	ĐT. 403 (Trục Hà Đông - Xuân Mai đoạn từ Vành đai 4 tới Xuân Mai)	TP Hà Nội
9	ĐT.404 (Trục Ngọc Hồi - Phú Xuyên đoạn từ Vành đai 4 tới Phú Xuyên)	TP Hà Nội
10	ĐT.405 (Trục kinh tế Bắc - Nam đoạn từ Vân Phúc (Phú Thọ) đến Phú Xuyên)	Đoạn từ Vân Phúc (Phú Thọ) đến Phú Xuyên TP. Hà Nội
11	ĐT.407 (Trục Đỗ Xá - Quan Sơn)	TP Hà Nội
12	ĐT.409 (Đường trục Chúc Sơn - Miếu Môn - Hương Sơn)	TP Hà Nội
13	ĐT.419B (Đường Lê Văn Lương kéo dài)	TP Hà Nội
14	Cầu Tứ Liên, cầu Trần Hưng Đạo qua sông Hồng	Các quận, huyện: Tây Hồ, Hoàn Kiếm, Đông Anh, Long Biên
15	Cầu Ngọc Hồi và đường dẫn 02 đầu cầu	Thanh Trì
16	Cầu Giang Biên và đường nối hai đầu cầu	Các quận, huyện: Long Biên, Gia Lâm
17	Cầu Phú Thượng	Tây Hồ, Đông Anh

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
	Về hạ tầng đường sắt	
18	Các ga đầu mối đường sắt quốc gia Ngọc Hồi và Yên Viên	Các huyện: Thanh Trì, Thường Tín, Gia Lâm
19	Vành đai phía Đông	Các huyện: Gia Lâm, Thanh Trì, Thường Tín
20	Vành đai phía Tây	Các quận, huyện: Thanh Trì, Thường Tín, Thanh Hoai, Hà Đông, Hoài Đức, Mê Linh
	Về hạ tầng đường sắt đô thị	
21	Ga Hà Nội: Ga trung tâm đường sắt đô thị kết nối với đường sắt quốc gia để trả khách vào thời điểm phù hợp	Hoàn Kiếm, Đống Đa
22	Tuyến số 01 Ngọc Hồi - Yên Viên - Lạc Đạo	Các quận, huyện: Thanh Trì, Hoàng Mai, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Long Biên, Gia Lâm
23	Tuyến số 01A (Ngọc Hồi - Sân bay thứ 2 phía Nam)	Các huyện: Thanh Trì, Thường Tín, Phú Xuyên, Ứng Hòa
24	Tuyến số 02 (Nội Bài - Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo - Chợ Mơ - Ngã Tư Sở - Hoàng Quốc Việt và đoạn kéo dài đến Sóc Sơn)	Các quận, huyện: Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Ba Đình, Cầu Giấy, Tây Hồ, Đông Anh, Sóc Sơn
25	Tuyến số 02A kéo dài (Hà Đông - Xuân Mai)	Các quận, huyện: Hà Đông, Chương Mỹ
26	Tuyến số 03 đoạn Ga Hà Nội - Hoàng Mai và đoạn Nhổn - Sơn Tây	Các quận, huyện, thị xã: Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Bắc Từ Liêm, Hoài Đức, Đan Phượng, Phúc Thọ, Sơn Tây

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
27	Tuyến số 04 Mê Linh - Sài Đồng - Liên Hà	Các quận, huyện: Đông Anh, Long Biên, Hoàng Mai, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm, Đan Phượng
28	Tuyến số 05: Văn Cao - Hòa Lạc	Các quận, huyện: Tây Hồ, Ba Đình, Đống Đa, Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Hoài Đức, Quốc Oai, Thạch Thất
29	Tuyến số 06: Nội Bài - Phú Diễn - Hà Đông - Ngọc Hồi	Các quận, huyện: Sóc Sơn, Mê Linh, Đông Anh, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hoài Đức, Hà Đông, Thanh Trì
30	Tuyến số 07: Mê Linh - Dương Nội - Hà Đông	Các quận, huyện: Mê Linh, Đông Anh, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hoài Đức, Hà Đông
31	Tuyến số 08: Sơn Đồng - Mai Dịch - Vành đai 3 - Lĩnh Nam - Dương Xá	Các quận, huyện: Hoài Đức, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Gia Lâm
32	Tuyến số 09 Mê Linh - Cổ Loa - Dương Xá	Các huyện: Mê Linh, Đông Anh, Gia Lâm
33	Tuyến số 10: Cát Linh - Láng Hạ - Lê Văn Lương - Yên Nghĩa	Các quận, huyện: Ba Đình, Đống Đa, Thanh Xuân, Hà Đông
34	Tuyến số 11: Vành đai 2 - Trục phía Nam - Sân bay thứ 2 phía Nam	Các quận, huyện: Đống Đa, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Thanh Trì, Hà Đông, Thanh Oai, Phú Xuyên, Ứng Hòa

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
35	Tuyến số 12 Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Phú Xuyên	Các quận, huyện, thị xã: Sơn Tây, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Phú Xuyên, Thường Tín
36	Tuyến M1 (Liên Hà - Tân Lập - An Khánh)	Các huyện: Đan Phượng, Hoài Đức
37	Tuyến M2 (Mai Dịch - Mỹ Đình - Văn Mỗ - Phúc La; Phú Lương - Thanh Liệt - Giáp Bát)	Các quận, huyện: Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Hà Đông, Thanh Trì, Hoàng Mai
	Về hạ tầng đường thủy nội địa	
38	Tuyến Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội - Việt Trì qua sông Đuống	Các quận, huyện, thị xã: Gia Lâm, Long Biên, Đông Anh, Mê Linh, Tây Hồ, Bắc Từ Liêm, Đan Phượng, Phúc Thọ, Ba Vì, Sơn Tây
39	Nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (cầu đường sắt Đuống)	Long Biên, Gia Lâm
40	Cảng Thượng Cát (gồm cảng Hoàng Bình)	Quận Bắc Từ Liêm
41	Cảng Chèm - Liên Mạc	Quận Bắc Từ Liêm
42	Cảng Phù Đổng	Huyện Gia Lâm
	Về hạ tầng cảng cạn	
43	Đầu tư hệ thống cảng cạn trên địa bàn thành phố	TP Hà Nội
	Về hạ tầng hàng không	
44	Nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Nội Bài	Huyện Sóc Sơn
45	Sân bay lưỡng dụng Hòa Lạc	Huyện Thạch Thất
46	Sân bay lưỡng dụng Gia Lâm	Quận Long Biên
47	Nghiên cứu, đầu tư Cảng hàng không thứ hai vùng Thủ đô	Khu vực phía Đông Nam, Nam Thủ đô Hà Nội

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
III	**Văn hóa, thể thao**	
1	Bảo tàng Đảng Cộng sản Việt Nam	Quận Bắc Từ Liêm
2	Nhà hát tại khu vực Quảng An, quận Tây Hồ	Quận Tây Hồ
3	Khu liên hợp thể thao quốc gia khu vực Bắc sông Hồng	Huyện Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn
4	Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế	Huyện Đông Anh
5	Ứng dụng công nghệ trong bảo tồn và khai thác phát huy giá trị di sản văn hóa Thủ đô	Các quận, huyện, thị xã
6	Khôi phục, bảo tồn và phát huy một số loại hình nghệ thuật dân gian đặc sắc của Thủ đô Hà Nội	Các quận, huyện, thị xã
7	Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị khu di sản văn hóa thế giới Hoàng thành Thăng Long	Quận Ba Đình
8	Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Cổ Loa	Huyện Đông Anh
9	Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích thành cổ Sơn Tây, không gian văn hóa làng cổ Đường Lâm	Thị xã Sơn Tây
10	Xây dựng đền thờ Đức vua Ngô Quyền	Huyện Đông Anh
11	Tượng đài chiến thắng Cầu Giẽ	Huyện Phú Xuyên
12	Nhà hát múa rối Thăng Long	Quận Hoàn Kiếm
13	Nhà hát thành phố Hà Nội	Khu vực đô thị trung tâm
14	Nhà hát Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Hà Nội	Quận Đống Đa
15	Thư viện Hà Nội (cơ sở 2)	Quận Hà Đông
16	Cung văn hóa, thể thao Thanh niên	Quận Hai Bà Trưng
17	Hệ thống công viên chuyên đề	Các quận, huyện, thị xã: Long Biên Gia Lâm, Đông Anh, Thường Tín, Phú Xuyên, Sơn Tây, Hoài Đức, Mê Linh, Thanh Oai…

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
18	Hệ thống bảo tàng chuyên đề	Các quận, huyện, thị xã
19	Khu vận động viên cao cấp Mỹ Đình	Quận Nam Từ Liêm
20	Sân vận động Hàng Đẫy	Quận Đống Đa
21	Sân vận động Hà Đông	Quận Hà Đông
22	Khu Thể dục thể thao Khúc Hạo	Quận Ba Đình
23	Khu đua thuyền Hồ Tây	Quận Tây Hồ
24	Tổ hợp thể thao phía Tây	Các huyện: Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Sơn Tây
25	Khu thể thao dân tộc và trò chơi dân gian	Khu vực sông Hồng tại quận Long Biên
26	Khu liên hợp thể thao phía Nam	Các huyện: Thanh Trì, Thường Tín
27	Xây dựng một số nhà thi đấu, sân vận động, bể bơi cấp quận, huyện, thị xã (đáp ứng tiêu chí Trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn)	Các quận, huyện, thị xã
28	Nghiên cứu, lập hồ sơ đề xuất đề nghị UNESCO ghi danh là di sản thế giới đối với một số di sản có giá trị tiêu biểu của Thủ đô như: Khu di tích Cổ Loa; quần thể di tích và danh thắng Hương Sơn; di tích Cầu Long Biên và phố cổ; di tích Thành cổ Sơn Tây; Khu di tích làng cổ Đường Lâm; Thực hành Tín ngưỡng thờ Hai Bà Trưng; Thực hành tín ngưỡng thờ Thánh Tản Viên; Nghệ thuật múa rối nước của người Việt ở vùng đồng bằng sông Hồng; nghề khảm trai, ốc của người Việt cổ…	Các quận, huyện, thị xã
29	Hệ thống quảng trường, tượng đài	Các quận, huyện, thị xã: Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn, Hoài Đức, Đan Phượng, Sơn Tây…
30	Không gian bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống xứ Đoài	Thị xã Sơn Tây

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
31	Xây dựng không gian văn hóa hai bên sông Hồng	Các quận, huyện, thị xã: Hoàng Mai, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Đan Phượng, Phúc Thọ, Gia Lâm, Long Biên, Đông Anh, Mê Linh, Sơn Tây, Thanh Oai…
32	Xây dựng Trung tâm công nghiệp văn hóa, sáng tạo hai bên bờ sông Hồng và khu vực có lợi thế	Các quận, huyện, thị xã
33	Không gian văn hóa nghệ thuật và ẩm thực	Khu vực trung tâm thành phố và khu vực phát triển đô thị, khu du lịch
IV	**Y tế**	
1	Xây dựng cơ sở 2 của các bệnh viện tuyến trung ương tại khu vực ngoại thành	Các huyện, thị xã
2	Nâng cấp bệnh viện Ung bướu Hà Nội thành bệnh viện chuyên khoa ung bướu cấp vùng đồng bằng sông Hồng	Quận Hai Bà Trưng
3	Nâng cấp bệnh viện Tim Hà Nội thành bệnh viện chuyên khoa tim mạch cấp vùng đồng bằng sông Hồng	Quận Hoàn Kiếm
4	Nâng cấp bệnh viện Bạch Mai thành bệnh viện cấp quốc gia ngang tầm khu vực và quốc tế	Quận Hai Bà Trưng
5	Nâng cấp bệnh viện Trung ương Quân đội 108 thành bệnh viện cấp quốc gia ngang tầm khu vực và quốc tế	Quận Hai Bà Trưng
6	Đầu tư xây dựng các tổ hợp công trình y tế lớn	Các quận, huyện, thị xã: Phú Xuyên, Sơn Tây, Gia Lâm, Thạch Thất, Quốc Oai, Sóc Sơn
7	Xây dựng bệnh viện đa khoa Chương Mỹ (Khu vực phía Nam)	Huyện Chương Mỹ
8	Bệnh viện đa khoa Phúc Thọ (Khu mới)	Huyện Phúc Thọ

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
V	**Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo**	
1	Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, trình diễn triển lãm công nghệ và các giải pháp đổi mới sáng tạo, khu thí điểm tích hợp các mô hình sản xuất thông minh trên địa bàn Thủ đô mang tầm quốc tế	Huyện Thạch Thất
2	Xây dựng một số viện nghiên cứu hàng đầu khu vực, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và phát triển công nghệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học trên địa bàn Thủ đô	Các quận, huyện, thị xã
3	Xây dựng Trung tâm Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm Hà Nội	Đông Anh
4	Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học	Bắc Từ Liêm
5	Xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Hà Nội	Huyện Thạch Thất
6	Xây dựng Trung tâm Thiết kế sáng tạo Hà Nội	Các huyện: Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn, Phú Xuyên
7	Xây dựng tuyến cáp quang dọc đường vành đai 3 đoạn từ cầu Phù Đổng đến Pháp Vân	Các quận, huyện: Hoàng Mai, Long Biên, Gia Lâm, Thanh Trì
8	Phát triển các dự án năng lượng sạch, tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính	Các quận, huyện, thị xã
9	Xây dựng các vườn ươm công nghệ, nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở	Các quận, huyện, thị xã
10	Xây dựng trung tâm dữ liệu điện toán đám mây của quốc gia phục vụ chuyển đổi số, chính quyền số	Quận Long Biên
11	Khu công viên công nghệ thông tin Hà Nội	Quận Long Biên
12	Khu công nghệ thông tin tập trung Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội	Quận Long Biên

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
VI	**Giáo dục và Đào tạo**	
1	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Các quận/huyện/thị xã: Hà Đông; Đông Anh; Gia Lâm; Sóc Sơn; Thạch Thất; Thanh Trì; Đan Phượng; Chương Mỹ; Hoài Đức; Sơn Tây; Phúc Thọ; Mê Linh; Tây Hồ; Phú Xuyên; Thường Tín
2	Trường trung học phổ thông	Các quận/huyện/thị xã: Cầu Giấy; Hà Đông; Hoàng Mai; Tây Hồ; Bắc Từ Liêm; Nam Từ Liêm; Hai Bà Trưng; Sơn Tây; Chương Mỹ; Đan Phượng; Phúc Thọ; Hoài Đức; Quốc Oai; Mê Linh; Thạch Thất; Gia Lâm; Đông Anh; Thanh Oai; Thanh Trì; Sóc Sơn; Mỹ Đức; Thường Tín
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng để phục vụ di dời một số trường đại học ra khỏi khu vực nội thành	Khu vực: Hòa Lạc, Xuân Mai, Sơn Tây và các đô thị vệ tinh
4	Trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	Nam Từ Liêm
5	Trường thực hiện chức năng trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	Huyện Đông Anh
6	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	Huyện Chương Mỹ
7	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	Huyện Đông Anh
8	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề Nấu ăn - Nghiệp vụ du lịch và thời trang Hà Nội thành trường cao đẳng	Thị xã Sơn Tây
9	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội thành trường cao đẳng	Quận Bắc Từ Liêm

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
10	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các quận, huyện, thị xã
VII	**Dịch vụ - Thương mại**	
1	Đầu tư xây dựng các chợ đầu mối; trung tâm thương mại, trung tâm bán buôn cấp vùng	Các quận, huyện, thị xã
2	Các Trung tâm logistic	Các quận, huyện: Bắc Từ Liêm; Hoàng Mai; Sóc Sơn; Chương Mỹ; Thanh Oai; Đan Phượng; Phú Xuyên; Thường Tín; Ứng Hoà; Thanh Trì; Đông Anh; Hoài Đức;
3	Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia	Khu vực phía Nam
VIII	**Du lịch**	
1	Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam và hồ Đồng Mô	Thị xã Sơn Tây
2	Khu dịch vụ tổng hợp phục vụ đón tiếp khách của Đảng, Nhà nước	Ba Vì, Sơn Tây, Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn
3	Khu du lịch Ba Vì	Huyện Ba Vì
4	Khu du lịch Di tích thắng cảnh Hương Sơn	Huyện Mỹ Đức
5	Khu du lịch khu vực Hồ Hoàn Kiếm - phụ cận và khu phố cổ Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm
6	Khu dịch vụ - du lịch tổng hợp: sinh thái, văn hóa, thể thao, sân gôn, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí…	Các huyện, thị xã: Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn, Thạch Thất, Quốc Oai, Sơn Tây, Ba Vì, Phú Xuyên, Mỹ Đức, Gia Lâm, Thanh Oai, Ứng Hoà, Đan Phượng, Chương Mỹ; các quận Hoàng Mai, Long Biên, Hoàn Kiếm, Bắc Từ Liêm

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
7	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí Đầm Vân Trì	Huyện Đông Anh
8	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí thể thao cao cấp khu vực hồ Văn Sơn	Huyện Chương Mỹ
9	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí thể thao cao cấp khu vực hồ Đồng Sương	Huyện Chương Mỹ
10	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí Đầm Lai Cách	Huyện Sóc Sơn
11	Khu du lịch sinh thái hồ Quan Sơn - Tuy Lai	Huyện Mỹ Đức
12	Khu du lịch hồ Suối Hai	Huyện Ba Vì
13	Bảo tồn và phát huy giá trị của hồ Tây và vùng phụ cận	Quận Tây Hồ
IX	**Nông nghiệp, nông thôn**	
1	Đầu tư xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Các huyện, thị xã: Đông Anh, Ba Vì, Thanh Oai, Sơn Tây
2	Đầu tư xây dựng các khu khảo nghiệm, lưu giữ, phát triển, bảo quản các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển giống của các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Các quận, huyện, thị xã: Bắc Từ Liêm, Hoài Đức, Mê Linh, Đan Phượng, Gia Lâm, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Phúc Thọ, Thường Tín, Ba Vì, Sơn Tây
3	Dự án phát triển nông nghiệp đô thị; nông nghiệp trải nghiệm; bảo tồn, phát triển các nông sản đặc trưng của Hà Nội	Các quận, huyện, thị xã: Tây Hồ, Bắc Từ Liêm, Long Biên, Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng, Mê Linh, Sơn Tây…
4	Dự án phát triển không gian văn hóa làng nghề	Các quận, huyện, thị xã: Hà Đông, Phú Xuyên, Thường Tín, Gia Lâm, Thạch Thất, Phúc Thọ, Sơn Tây

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
5	Dự án trồng cây dược liệu lâu năm kết hợp với trung tâm dưỡng lão sinh thái	Các huyện, thị xã: Thạch Thất, Ba Vì, Mỹ Đức, Sóc Sơn, Sơn Tây
6	Dự án ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản thích nghi với biến đổi khí hậu và các yếu tố về môi trường nước	Các huyện: Ứng Hòa, Phú Xuyên, Ba Vì, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Phúc Thọ, Thường Tín
7	Khu khảo nghiệm, lưu giữ, phát triển giống vật nuôi, thủy sản ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch trải nghiệm tại Trạm Thực nghiệm chăn nuôi thủy sản	Huyện Thanh Oai
8	Khu khảo nghiệm, lưu giữ, phát triển các giống cây trồng ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch trải nghiệm; bảo quản sau thu hoạch tại Trạm Thực nghiệm cây trồng	Huyện Thường Tín
X	**Đô thị**	
1	Xây dựng mô hình đô thị thông minh trên cơ sở phát triển khu vực hai bên trục Nhật Tân - Nội Bài	Huyện Đông Anh
2	Bảo tồn, cải tạo khu phố cổ, khu phố có kiến trúc kiểu Pháp thành trung tâm dịch vụ du lịch và phát triển kinh tế ban đêm	Các Quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng
3	Xây dựng mô hình quận xanh, sinh thái	Khu vực thành phố phía Bắc; khu vực nội đô
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng để phát triển thành phố phía Bắc Thủ đô	Các huyện: Mê Linh, Đông Anh, Sóc Sơn
5	Đầu tư xây dựng hạ tầng để phát triển thành phố phía Tây Thủ đô	Các huyện: Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ
6	Phát triển hệ thống các thị trấn huyện lỵ theo mô hình đô thị sinh thái, dịch vụ chất lượng cao	Các huyện
7	Phát triển các dự án đô thị theo mô hình TOD gắn với các dự án giao thông công cộng	Địa bàn thành phố

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
8	Đề án phát triển khu vực hai bên sông Hồng, khai thác trục sông Hồng là trung tâm phát triển của Thủ đô	Địa bàn thành phố
9	Đề án phát triển khu vực hai bên sông Đuống	Địa bàn thành phố
10	Phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch, công viên vui chơi giải trí gắn với cải tạo môi trường các tuyến sông Tô Lịch, sông Nhuệ, sông Đáy, sông Ngũ Huyện Khê, sông Cà Lồ	Địa bàn thành phố
11	Phát triển các dự án cải tạo, tái thiết chung cư cũ; chuyển đổi, di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội	Các quận nội thành
12	Phát triển các dự án phát triển đô thị phía Tây Nam (gắn với phát triển trục vành đai 4)	Các quân, huyện: Đan Phượng, Hoài Đức, Hà Đông, Thanh Trì, Thường Tín, Thanh Oai
XI	**An sinh xã hội**	
1	Xây dựng trung tâm chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần số 3 Hà Nội	Khu vực phía Bắc thành phố
2	Xây dựng trung tâm chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần số 4 Hà Nội	Khu vực phía Nam thành phố
3	Xây dựng một số trung tâm chăm sóc người cao tuổi theo tiêu chuẩn các nước phát triển trên thế giới	Các huyện: Gia Lâm, Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn, Phúc Thọ, Ba Vì, Ứng Hòa, Phú Xuyên, Thạch Thất, Sơn Tây
4	Một số cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật	Các quận, huyện, thị xã
5	Dự án phát triển nhà ở xã hội	Các quận, huyện, thị xã
6	Dự án phát triển nhà ở công nhân khu công nghiệp	Các huyện, thị xã

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
XII	**Điện lực**	
	Các trạm biến áp và đường dây 500 kV	
1	Cải tạo trạm biến áp 500 KV Tây Hà Nội, công suất 2x900MVA	Huyện Quốc Oai
2	Xây mới các trạm biến áp 500kV	Các huyện, thị xã: Sơn Tây, Đan Phượng, Ứng Hòa
3	Xây mới đường dây 500kV	Các quận, huyện: Quốc Oai, Thường Tín, Đan Phượng, Sơn Tây, Long Biên
	Các trạm biến áp và đường dây 220 kV	
4	Các dự án đầu tư cải tạo trạm biến áp 3x250MVA	Các quận, huyện: Thường Tín, Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn, Long Biên
5	Các dự án đầu tư xây mới trạm biến áp 3x250MVA và 2x250MVA	Các quận, huyện: Thanh Xuân, Nam Từ Liêm, Thạch Thất, Mê Linh, Thanh Trì, Gia Lâm, Sóc Sơn, Phú Xuyên, Đan Phượng, Chương Mỹ, Cầu Giấy, Hai Bà Trưng, Ứng Hòa
XIII	**Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Các quận, huyện, thị xã
2	Dự án đầu tư trang thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Các quận, huyện, thị xã
3	Nghiên cứu, nâng cấp Trung tâm thông tin chỉ huy 114 của Công an thành phố	Các quận, huyện, thị xã
4	Dự án số hóa trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.	Các quận, huyện, thị xã

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
XIV	**Phòng chống thiên tai và phát triển hệ thống đê điều**	
1	Dự án cải tạo, nạo vét lòng dẫn sông Đáy, sông Tích, sông Bùi	Các quận, huyện, thị xã
2	Dự án xây dựng trạm bơm bổ cập nước sông Đà vào sông Tích và bổ cập nước sông Hồng vào sông Đáy	Các huyện: Ba Vì, Phúc Thọ
3	Dự án chuyển nước từ sông Tích vào sông Đáy	Thị xã Sơn Tây, huyện Phúc Thọ
4	Dự án cải tạo cụm công trình đầu mối sông Đáy và đập Vân Cốc	Huyện Phúc Thọ
5	Dự án cải tạo, nâng cấp các trạm bơm lấy nước từ sông Đà, sông Hồng, sông Đáy, sông Đuống	Các quận, huyện, thị xã
6	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Hữu Đà	Huyện Ba Vì
7	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Hữu Hồng	Các quận, huyện, thị xã: Sơn Tây, Phúc Thọ, Bắc Từ Liêm, Hoàng Mai
8	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Tả Hồng	Các quận, huyện: Long Biên, Gia Lâm
9	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Tả Đuống	Các huyện: Đông Anh, Gia Lâm
10	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Tả Đáy	Các huyện: Thanh Oai, Ứng Hòa
11	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê La Thạch	Huyện Đan Phượng
12	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Ngọc Tảo	Huyện Phúc Thọ
13	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Hữu Cà Lồ	Huyện Đông Anh
14	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Hữu Đáy	Các huyện: Chương Mỹ, Mỹ Đức
15	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Hữu Bùi	Huyện Chương Mỹ

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
16	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Hồng kết hợp đường giao thông, tạo cảnh quan, phát triển du lịch, dịch vụ	Các quận, huyện: Bắc Từ Liêm, Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Trì, Đông Anh, Long Biên, Gia Lâm
17	Xây dựng 02 đề án quản lý, cải tạo, chỉnh trang sông Hồng, sông Đáy	Các quận, huyện, thị xã
18	Xác định không gian thoát lũ sông Tích, Mỹ Hà, Cà Lồ	Các huyện: Ba Vì, Sơn Tây, Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Sóc Sơn, Đông Anh
XV	**Tài nguyên khoáng sản**	
1	Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với các điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội (18 mỏ)	Các huyện: Ba Vì, Sơn Tây, Phúc Thọ, Đan Phượng, Mê Linh, Đông Anh, Thường Tín, Phú Xuyên
2	Lập Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng các khu vực, điểm mỏ đất san lấp phục vụ các công trình cấp bách của thành phố giai đoạn 2024 -2030	Khu vực ngoại thành
3	Lập các đề án khoanh định các khu vực cấm, tạm cấm khai thác trên địa bàn thành phố Hà Nội	Quận/huyện/thị xã

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và các quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án.

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục trên, căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương… và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Phụ lục XXVIII

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

THỦ ĐÔ HÀ NỘI, THỜI KỲ 2023 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên bản đồ, sơ đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn thành phố Hà Nội	1:50.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng thành phố Hà Nội	1:50.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội thành phố Hà Nội	1:50.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật thành phố Hà Nội	1:50.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất thành phố Hà Nội	1:50.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên thành phố Hà Nội	1:50.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Hà Nội	1:50.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện thành phố Hà Nội	1:50.000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng